

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Bắc Sơn (II)

#### Tiểu sử

Sinh tháng 5.1942 tại Phan Thiết, Bình Thuận.

#### Tác phẩm

Ở đời như một nhà thơ đồng phương (1995).



Tranh Đinh Cường

### Mục Lục

#### Vài hàng về tác giả - 2

Nguyễn Bắc Sơn: Bi kịch của bố con tôi! - Mừng Giang - 3

Nguyễn Bắc Sơn, nhà thơ đồng phương – Từ Thế Mộng – 9

#### Chân dung tự họa - 12

Phiêu du từ thơ miền Nam trong thời chiến – Nguyễn Mạnh Trinh – 12

Nguyễn Bắc Sơn – Đặng Tiến – 19

Nguyễn Bắc Sơn nông nghênh Ngang tàng - Thu Tứ - 28

#### Phụ đính:

(Ở đời như một nhà thơ phương Đông)

Bài thơ tình viết khi nổi sùng - Kẻ chịu chơi - Hoàng hậu

Diệu âm - Gặp mùa gió, lòng mình cũng gió

Sông Cửu Long chín khúc - Chuyện hai bố con tôi

Một ngày nhân rồi - Ở đời như một nhà thơ phương Đông

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Năm 1970 của thế kỷ hai mươi vào một buổi chiều nhiều nắng Tú Kếu Trần Đức Uyển và Chu Tử kéo nhau tới kiếm tôi khoe rằng họ vừa khám phá ra một nhà thơ rất độc đáo ở Phan Thiết nhà thơ này làm những câu thơ không giống ai ký bút danh là Nguyễn Bắc Sơn.

Cao hứng Tú Kếu với cái giọng Sơn Tây quê mùa khó nghe ngấm cho tôi nghe mấy câu thơ mà Kếu cho là tuyệt vời nhất trên cõi đời này:

Mai ta đưng trận ta còn sống  
Về ghé Sông Mao phá phách chơi  
Chia sót nỗi buồn cùng gái điểm  
Đốt tiền mua vội một ngày vui

Tôi đồng ý với Tú Kếu và Chu Tử là cái anh chàng tác giả mấy câu thơ trên quả là một người làm thơ có giọng điệu không giống ai nghĩa là khá độc đáo ở cõi đời này. Theo Tú Kếu thi tác giả Nguyễn Bắc Sơn sinh năm 1944 là lính Địa Phương Quân ở Phan Thiết tên khai sinh là Hải. Và có cha theo VC đi tập kết và hiện cha Nguyễn Bắc Sơn đã hồi kết và đang là VC ở khu 6 và cũng đang đối đầu với ông con lính Địa Phương Quân.

Năm 1972 Nguyễn Bắc Sơn cho xuất bản tập thơ đầu tay với tựa đề *Chiến tranh Việt Nam và tôi* cho thấy rõ bản chất con người của Nguyễn Bắc Sơn nhìn cuộc chiến mà chàng ta đang tham gia như thế nào:

Đêm ngủ đổ ngâm thơ cùng đại bác  
Hồn lao đao trong chuyến trực thăng bay  
Đâu có chắc mặt trời mai sẽ mọc  
Trời rây mưa lạnh lạnh thêm say

Rồi cuộc chiến tranh Việt Nam cũng chấm dứt và Nguyễn Bắc Sơn gặp lại cha để cả hai cùng chưng hửng khi thấy rõ mình đã làm những việc chẳng ra làm sao và cùng tỉnh ngộ sững sờ nhìn nhau để năm năm sau khi cha qua đời.

Nguyễn Bắc Sơn có bài thơ sau đây:

Bố tôi qua đời đúng năm năm  
Tôi viết thơ này  
Để tâm sự cùng người khuất núi  
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng  
Thế là ông từ tuổi thanh xuân  
Cùng bạn bè đi làm cách mạng  
Ông càng làm cách mạng chừng nào  
Thì loài người càng thêm sặc máu  
Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp  
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người  
Tôi càng ca tụng chừng nào  
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy  
Bố ơi bố đã ra về  
Con ở lại làm thơ và chữa bệnh  
Chúng ta tới nơi này để phát huy một tấm long sơn  
Thành hay bại chỉ là chuyện vặt

Sau Nguyễn Bắc Sơn đọc kinh dịch nghiên cứu Lão tử Trang tử và làm thơ những vần thơ sáng tác sau này siêu thoát hơn ít men cay hơn nồng tình đời hơn. Thơ Nguyễn Bắc Sơn càng ngày càng độc đáo, thật hơn người hơn và nhiều chất thơ hơn.

*Hồ Nam*

**Nguyễn Bắc Sơn: Bi kịch của bố con tôi!**

## Mường Giang

Chiến tranh Việt Nam coi như tạm chấm dứt về phương diện quân sự sau ngày 30-4-1975, thì một cuộc chiến khác đã bùng nổ lớn trong dòng sinh mệnh của dân tộc. Đó là cuộc chiến về "ý thức hệ giữa nhân bản, tự do và xã hội chủ nghĩa" dù rằng tư tưởng Mác-Lê và chế độ Cộng Sản đã lần lượt bị tan biến khắp nơi trên thế giới, nhất là tại Liên Xô, Đông Đức, Đông Âu... kéo theo sự sụp đổ của bức tường ô nhục Bá Linh. Ở đâu cũng vậy "thắng là vua, thua là ngụy giặc". Hà Nội thắng trận nên trở thành chủ nhân ông toàn vùng, đem cái mô hình văn hóa vô sản chuyên chính của miền Bắc lạc hậu, đói gian, không có tình người, bắt ép kẻ chiến bại VNCH phải nhồi nhét, tiếp thu. Từ đó cả nước năm tay nhau, kẻ sau người trước chìm sâu trong vũng bùn ô uế của thiên đàng xã nghĩa. Qua cuộc đổi đời tận tuyệt lần này, không biết còn được mấy ai chịu nhớ lại cái thời xưa cũ "chính ta đã làm ta mất nước về tay Việt gian Cộng Sản". Thật vậy, từ ngày Cộng Sản quốc tế khai sinh tại VN vào năm 1930 tới nay, lúc nào các lãnh tụ đảng, từ Hồ Chí Minh tới Trường Chinh, Lê Duẩn, Tố Hữu. cũng đưa nhau lập thuyết về vai trò của nền văn nghệ đảng, như thứ vũ khí trí tuệ ánh sáng, để giết giặc, để chiến thắng và dùng nỗi hãi sợ, khiến cho người phải thi hành. Trái lại ở miền Nam, văn học được sử dụng không hơn, không kém một món hàng thời thượng.

Tàn nhẫn hơn, còn có một ít người sống ký sinh trên thân thể đau thương của mẹ Việt Nam, mà lại tưởng như mình là kẻ ngoại cuộc bên lề trách nhiệm, đứng đưng nhìn giặc gây tang tóc, khổ đau cho đồng đội, đồng bào. Giống như một số lớn văn nghệ sĩ miền Nam trước năm 1975, NGUYỄN BẮC SƠN, thực tế không phải là một người lính VNCH, nhưng đã tự khoác cho mình chiếc áo lính để có lý do phản đối chiến tranh. Ngoài ra còn lác đác đưa vào thơ một vài chữ nghĩa nhà Phật, khiến cho xung quanh cũng ngất ngưỡng theo. Hỡi ơi giữa cái bể đời lúc đó đang sôi sục bom đạn, máu lửa và xác người, bóng lừng lừng có mấy ông người gỗ, trên mình khoác áo lính, chấp tay thanh thản chờ chim bồ câu trắng hiện ra hay đám ngực đời hòa bình tức khắc, coi chính nghĩa như chuyện hão huyền, sống khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh. Thái độ đó nếu không phải của người điên thì chắc là hành động của những kẻ vô tâm, thất chí nên đâu cần nhớ tới sự thế thăng trầm:

*..bi kịch của bố con tôi  
là bi kịch của hai thằng tây đen  
cùng đi kiếm con mèo đen  
trong đêm đen mù mịt.. '' '*  
(thơ Nguyễn Bắc Sơn).

Nhưng dù gì chẳng nữa, nhà thơ vẫn còn khá hơn nhiều người trong cuộc sống bằng cái bã hư danh phù phiếm, vì ông đã hóa thân vào người lính chiến VNCH, nói lên được một phần ngàn cái thế thiết gian truân của "Thân Phận Người Lính Việt Nam Cộng Hòa"..

### + HAI CẢNH ĐỜI TRÁI NGƯỢC TRONG DÒNG VĂN HỌC CHIẾN TRANH VN:

Từ sau Hiệp Định Genève chia đôi đất nước vào tháng 7-1954, trong khi chính phủ miền Nam dồn hết nhân lực vật lực để kiến tạo non sông, mang ấm no hạnh phúc cho người dân, thì trên đất Bắc, không khí chiến tranh gần như nguyên vẹn, điều này cũng dễ hiểu, vì Hà Nội lúc nào cũng phải trường kỳ chiến đấu trong thân phận một mũi xung kích của cộng đảng quốc tế. Bao nhiêu khuôn vàng thước ngọc của Mao Trạch Đông ban truyền từ năm 1942 tại Diên An đều được các đảng viên cao cấp mang về Việt Nam xào nấu lại thành cái lý thuyết chỉ đạo văn nghệ tập thể vô sản chuyên chính. Sau cùng để cho hợp với hoàn cảnh từng giai đoạn chiến tranh, những lập thuyết đề cương văn nghệ mới lại tiếp tục ra đời như thi đua ái quốc và chủ nghĩa anh hùng, qua cái bình phong Hội Văn Nghệ Giải Phóng Miền Nam, Giải Văn Nghệ Nguyễn Đình Chiểu..

Độc văn biết người, nhưng trong dòng văn học miền Bắc thì chỉ cần nhìn tựa sách cũng đủ biết hết nội dung. Tất cả các văn thi sĩ đã thành danh thời tiền chiến như Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nguyễn công Hoan, Thanh Tịnh, Cù Huy Cận, Thế Lữ, Xuân Diệu.. cho tới những người mới nổi như Nguyễn Ngọc, Lê Lưu, Nguyễn Sáng.. kể luôn nhóm Cộng Sản đang nằm vùng tại miền Nam như Giang Nam, Đoàn Giỏi, Nguyễn Văn Bổng.. đều viết theo đơn đặt hàng, đảng đảng sát khí, cổ võ hờn căm “phân chia bạn thù, chống Mỹ, chống ngụy“, để cứu nước. Vì là nền văn học chuyên chính, nên mọi người viết gần giống nhau, cách mạng đánh đâu thắng đó, còn Mỹ-Ngụy thì thua chạy bò càng, máy bay bị bắn rớt liên tục và người chết như rạ. Tóm lại người làm văn nghệ miền Bắc chỉ như một cái máy hay con vẹt của đảng, không biết đau lòng trước mọi hoàn cảnh, không có cảm xúc nhưng phải biết đề cao để làm sáng chói tính đảng, tính giai cấp, tính siêu việt của xã nghĩa. Không có cái ta hiện hữu ở đây mà chỉ có tập thể, chỉ có niềm vui chung do đảng quyết định, còn mọi thứ khác phải cất giữ trong đáy lòng, hờ hê, kêu than sẽ bị mút mùa cải tạo.

Bao nhiêu năm trời phải bịa đặt, lừa dối, từ trẻ nít cho tới kẻ bạc đầu để có tem phiếu mà sống. Rồi nhà văn, thi sĩ còn phải biết hèn cúi, nịnh nọt để yên thân, khỏi bị hạ tầng công tác hay tổng vào Nam làm bia đỡ đạn. Một vài con chim lạc đàn, vô tình hay cố ý bay lệch bầu trời sẽ bị trừng trị không thương tiếc, những Nguyễn Kiên Giang (nằm vùng), Hoàng Minh Chính, Nguyễn Duy, Phạm Tiến Duật, kể cả Việt Phương, thư ký của Phạm Văn Đồng, làm thơ, viết văn lệch hướng đảng đều bị nghiêm phạt. Dòng thơ phản kháng của Nguyễn Chí Thiện hay Bút Tre chẳng qua cũng chỉ là những con đom đóm cho một chút ánh sáng le lói, rồi lại vụt tắt trong bóng đêm trùng trùng:

*‘..anh đi công tác Pơ Lây  
Cu dài giằng đặc, biết ngày nào ra..*

*Anh đi công tác Buôn Me  
Thuột xong một cái lại về với Em..*

*Chị em du kích tài thay  
Bắn tàu bay Mỹ rơi ngay cửa mình..  
(Bút Tre)*

Ở miền Bắc, thiên đường xã nghĩa là thế đó, trong khi tại miền Nam, dù bị chiến tranh, mọi người vẫn có hoàn cảnh tự do tối thiểu để sáng tạo theo ý mình, cũng như không hề có dòng văn nghệ một chiều hay chuyên chính. Bởi vậy mới có trăm hoa đua nở, từ văn chương chống cộng lúc đầu, sau đó thành chống chiến tranh dù chiến tranh được cộng sản mang từ miền Bắc vào. Cũng do chiến tranh quá dài và dai dẳng, nên ai cũng buồn phiền và chán ghét chiến tranh. Rất cực, chính phủ và người lính miền Nam phải gồng mình ôm đồm tất cả, trong lúc hậu phương buông thả hững hờ. Mọi người gần như bế tắc và chỉ còn biết bơi lội quanh quẩn trong kiếp sống hiện sinh. Giữa lúc thời cuộc quay cuồng theo tiếng bom đạn, thì một bọn ký sinh đứng ngoài lề cuộc sống khổ đau của miền Nam, lợi dụng tự do, nhân danh tôn giáo, khơi dậy trong lòng phiền muộn của những người trong cuộc bằng trò hề phản chiến, chống chính phủ, chấp tay cầu nguyện cho bò câu trắng hiện hình trên bầu trời miền Nam, trong lúc xe tăng, đại pháo và cả triệu bộ đội miền Bắc đang hiện diện

Trước năm 1960, trong cảnh thanh bình khắp chốn tại miền Nam, chiến tranh thật sự tạm vắng bóng trên chiến trường, nhưng trong văn chương chữ nghĩa miền Nam, nó có hiện hữu bên cạnh các tác phẩm khác viết về tình yêu, tuổi trẻ, phong tục và triết lý. Sau đó Sáng Tạo ra đời, bắt đầu một cuộc phá phách, gây xáo trộn trong thị trường chữ nghĩa một thời, dù thực tế họ chỉ là những kẻ đi tiếp con đường vạch sẵn của phong trào thơ mới, của tiểu thuyết hiện sinh,

của nhóm đệ tử cộng sản quốc tế đã tàn lụn tại VN vì sự thanh trừng nội bộ. Những thơ văn sáng tác của Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Duy Thanh, .. mang cái ám ảnh của chiến tranh, dù trong tưởng tượng lúc đó, để có cái cơ sống hiện sinh, cá nhân, triết lý siêu hình.. như kiểu cách của các triết gia Tây phương Albert Camus, Alain Robbegrillet, Nathalie Sarraute.. nghĩa là phải sống cho cái bản ngã riêng mình vì hoài nghi hết mọi người chung quanh. Nhưng trong cái không khí sống chết mặc bây, may thay đã thấy xuất hiện Nhã Ca (Đêm Nghe Tiếng Đại Bác, Người Tình Ngoài Mặt Trận, Giải Khăn Sô Cho Huế.), Ý Uyên (Bão Khô, Tượng Đá Sườn Non, Ngựa Tía...), Dương Nghiễm Mậu (Địa Ngục Có Thật, Khi Người Chết Có Mặt..) Trang Châu (Y Sĩ Tuyền Tuyền), Văn Quang, Đỗ Tấn, Võ Hữu Hạnh, Phan Nhật Nam, Vũ Ngự Chiêu.. viết về tình yêu, tình đồng đội và thảm trạng chiến tranh, bằng lương tâm của người cầm bút trong cuộc.

Thế rồi xảy ra cuộc binh biến 1-11-1963, tiếp tới ba năm xáo trộn, xã hội miền Nam bắt đầu quay cuồng “trong cơn lốc của bọn loạn tướng kiêu tăng”, tạo cơ hội cho Cộng Sản miền Bắc trở dậy và hiện diện trùng trùng khắp ngõ ngách VNCH. Những trận đánh đẫm máu, những cái chết của đồng đội, sự thương vong đổ vỡ của đồng bào trong vùng chiến nan, cộng với cảnh lố lăng, tham nhũng, trò lộng hành của đám lãnh tụ ở đô thành.. và cuộc sống sa đọa theo đồng đô la Mỹ, làm cho tuổi trẻ và giới trí thức trở thành mất lòng tin, hoài nghi tất cả, nên lao đầu vào cuộc sống hiện sinh không bến bờ.

Tường đồ thì bìm leo, một số Cộng Sản nằm vùng như Sơn Nam, Vũ Hạnh, Lữ Phương, Lưu Nghi, Văn Trang, Minh Quân, Nguyễn Ngọc Lan, Nhất Hạnh, Thế Nguyên .. trên các tờ Hành Trình, Đối Diện, Tin Văn, Đất Nước.. liên tục tố cáo chính quyền tham nhũng, bắt công, đòi liên hiệp với cộng sản. Trong khi đó, Văn và Bách Khoa cũng đăng những bài thơ phản chiến của lớp người mới nổi sau năm 1970, mà ghê rợn nhất là Ngụy Ngữ.. bôi bẩn danh dự của QLVNCH một cách không nhân nhượng. Còn gì bi thảm hơn cho những người lính đang cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, lại bị những tên phản chiến như Ngụy Ngữ mặt sát: ‘Chúng tôi là một thứ quân đội viễn chinh.. và quê hương bát ngát này không cần đến bọn viễn chinh.. ‘ Văn chương sứt máu, phản bội kiểu này, nếu sống dưới chế độ cộng sản, liệu y có còn mạng để sống, chứ đừng mơ tưởng để viết. Đó là mặt thật của hai cảnh đời trái ngược. Người miền Nam như vậy, tại sao chúng ta không mất nước ?

Tóm lại đây là những phần tử mò trắng đáy nước trong một chủ nghĩa hư vô, bi quan, bất mãn, suốt cuộc đời “chỉ quần quanh là những cây láo lếu, chờ sung rụng ngoài hiên..”. Rồi thì giặc tới, ngoại trừ một số tuy leo mép chữ nghĩa nhưng biết khôn đã ôm chân Mỹ chạy, để còn có cơ hội tiếp tục chuyện dài phản chiến ở hải ngoại. Hầu hết văn thi sĩ lớn của miền Nam, bất chấp phản chiến hay chiến đấu, đi lính thật hay là lính đào ngũ, trốn quân dịch, vua, quan, sĩ thứ, công chức, thường dân “trừ Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng.. “, đều được đi cải tạo, để biết khôn như người miền Bắc “có trách nhiệm và bổn phận con người khi được làm người”. Song song với sự sụp đổ vật chất, các giá trị tinh thần của miền Nam, cũng bị xóa bỏ tận tuyệt bằng các nghị định và chiến dịch đốt sách chôn học trò kiểu bạo chúa Tần Thủy Hoàng, Mao Trạch Đông, Giang Thanh. Ngày 20-8-1975, Lưu Hữu Phước mở màn cuộc quét sạch ảnh hưởng tư tưởng và văn hóa phản động của thực dân mới, tháng 3/1976 bắt đầu thanh toán văn nghệ sĩ miền nam, trong số này không ít người đã góp công với Cộng Sản miền Bắc:

*‘..tôi từ đó chợt đau từng khúc hát  
thương về đâu và gọi nhớ về đâu  
nước trôi đi bóng trắng còn ở lại  
một vầng trăng bốc lửa ở trong đầu .. ’ ’ ’*  
(thơ của Hạc Thành Hoa)

## + NGUYỄN BẮC SƠN : BI KỊCH BỐ CON TÔI

Nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn sinh tại Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tên thật là Nguyễn Văn Hải. Thuở nhỏ học hành dang dở vì hoàn cảnh gia đình chỉ có mẹ, còn người cha tập kết ra Bắc năm 1954. Chính cái bút hiệu Nguyễn Bắc Sơn, theo sự thổ lộ của đương sự là để nhớ về người cha Việt Cộng đang phục vụ tại rừng núi Bắc Sơn, Bắc Việt. Một lý do khác khiến Hải bỏ học sớm, vì sức khỏe yếu, tinh thần bạc nhược khác đời, điên điên, tỉnh tỉnh bất thường. Đây cũng là cái phần phúc của trời ban, cho nên chỉ trong một sớm một chiều, khi bài thơ 'Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi' được Bách Khoa đăng vào đầu thập niên 1960 đã đưa Nguyễn Bắc Sơn lên đài danh vọng, về mặt làm thơ phản chiến và thiên vị. Sau năm 1975, người cha tập kết trở về, ngoài cái già nua của một phần đời sống bằng tem phiếu, còn đeo theo gia tài của đảng ban phát qua cuộc hôn nhân xã nghĩa. Cũng kể từ đó, nhà thơ mới chịu mở mắt qua tiếng khóc nức nở nghẹn ngào của mẹ, một đời, khóa chặt hồn xuân để làm sương phu, nuôi con, đợi chồng ngoài quan tái và nhục nhối là cái chết của người cha VC bị VC thanh toán nội bộ qua một tai nạn lưu thông được dàn dựng tại Ngã Ba Bình Tuy Phan Thiết.

*‘..bố tôi qua đời đúng năm năm,  
tôi viết bài thơ này  
để tâm sự một người khuất núi  
thuở sinh tiền  
ông rất thương tôi  
đúng là hai người đàn ông có bề ngoài lãnh đạm  
bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng  
.. cùng bạn bè đi làm cách mạng  
ông làm cách mạng chừng nào  
thì loài người càng thêm sặc máu.. ’ ’ ’*  
(Thơ Nguyễn Bắc Sơn - 2002).

Vì lý do sức khỏe nên nhà thơ không bị đi lính như bạn bè cùng lứa tuổi nhưng không biết trong một phút ngẫu hứng nào đó lại vào làm thông dịch viên cho Toán A Lực Lượng Đặc Biệt đang hoạt động tại trại Phi Hồ. Bởi vậy trong suốt dòng thơ viết về lính, tác giả chỉ nói tới mật khu Lê Hồng Phong của VC ở Lương Sơn, Bình Thuận mà thôi. Sau khi trại LLDB giải tán, Nguyễn Bắc Sơn cũng già từ vũ khí cho tới tháng 4/1975.

Trại Phi Hồ, đơn vị của Nguyễn Bắc Sơn, nằm sát quốc lộ 1, tại xã Chợ Lầu (Hòa Đa), cách Sông Mao chừng 2 km và liền với Mật Khu Lê Hồng Phong. Nơi này trước là doanh trại của Trung đoàn 42, SD 22 BB, đã di chuyển lên cao nguyên. Tháng 2/1962 toán B3 của Đại Úy Trịnh Văn Viễn về tiếp thu trại trên, thì tình hình toàn vùng rất tối tệ, ban đêm VC thường kéo về các xã quanh vùng tổ chức biểu tình, diễn kịch, trong lúc đó Địa Phương Quân Hòa Đa, cũng như TTHL/DPQ-NQ Sông Mao phớt lờ vì không muốn biết tới chuyện bên ngoài. Để đáp ứng nhu cầu chiến trường, trại Phi Hồ được phép tuyển mộ tân binh, thành lập một tiểu đoàn dân sự chiến đấu (loại lính ăn lương Mỹ, không có số quân), dưới quyền chỉ huy của LLDB gồm Mỹ và Việt, Nguyễn Bắc Sơn làm thông dịch viên cho cố vấn Mỹ. Từ đó, trại luôn luôn tổ chức các cuộc hành quân vào sâu trong mật khu, Tiểu Đoàn DSCD/LLDB được mang danh hiệu là Tiểu Đoàn 10 Nhảy Dù, do Đại Úy Viễn chỉ huy, dĩ nhiên Sơn cũng phải theo cố vấn Mỹ trong các cuộc hành quân trên:

*‘..khi tao đi lấy khẩu phần  
mày đi mua rượu để Nùng cho tao  
chúng mình nhậu để trừ hao  
bây ngày sắp đến ghêêu ngao trong rừng.. ’ ’ ’*

(Chiến Tranh VN Và Tôi - Nguyễn Bắc Sơn - 1962)

Ngoài ra, LLDB còn phối hợp với tiểu khu trưởng Bình Thuận lúc đó là Trung Tá Nguyễn quốc Hoàng, lập các trung đội DPQ tại các ấp chiến lược ở các quận Phan Lý Chàm, Hòa Đa, Hải Ninh, để bảo vệ làng xóm của họ. Năm 1962, bộ trưởng QP Hoa kỳ là Nc.Namara đã tới tận xã Lương Sơn thăm LLDB và rất hài lòng về việc trại Phi Hồ diệt được nguồn nước trong mật khu tại Bầu Sen, Bầu Trắng, khiến gần như toàn bộ Việt Cộng trong mật khu phải rút đi nơi khác vì không đủ nước ngọt để ăn uống, chỉ để lại các toán du kích nhỏ quấy rối mà thôi:

*'tướng giỏi cầm quân trăm trận thắng  
còn ngại hành quân động Thái An  
cát lún bãi mìn rừng lười nhện  
mùa khô thiếu nước lính hoang mang.*

*Đêm nằm ngủ võng trên đồi cát  
Nghe sóng rừng xa nổ cắc cù  
Chợt thấy trong lòng mình bát ngát  
Nỗi buồn sương khói cửa mùa thu.. '' '*  
(Mật Khu Lê hồng Phong - Nguyễn Bắc Sơn - 1962).

Lực lượng VC bây giờ còn trụ lại tại Lê hồng Phong chừng hai đại đội do Ích Reo, người thượng chỉ huy:

*'buổi chiều uống nước dòng Ma Hí  
thằng Xuân bắn chết thằng Mang Khinh  
hơi ôi sóng chết là mưa nắng  
gió tối mưa đêm chớ lạnh mình .. '' '*  
(Thảo Khẩu - Nguyễn Bắc Sơn -1962)

Để khai tử cái huyền thoại chiến khu Lê Hồng Phong, một cuộc hành quân quy mô hỗn hợp giữa LLBC trại Phi Hồ, Tiểu Đoàn 10 Nhảy Dù (Dân Sự Chiến Đấu Lương Sơn) cùng Tiểu Khu Bình Thuận hai mặt tấn công và san bằng mật khu. Dân chúng trong vùng bị VC kềm kẹp lâu ngày, nay mới được giải thoát và được định cư tại Lương Sơn, Long Thạnh.

*'đoàn quân anh đi, những bóng cọp vằn  
gân mắt đỏ lạnh như tiền sắc mặt  
bốn chuyến di hành một ngày một ngát  
dừng quân đây nói chuyện tiếu lâm chơi..*  
(Chiến Tranh VN Và Tôi- Nguyễn Bắc Sơn - 1962)

Ngày 15-3-1964, trại Phi Hồ đóng cửa, bàn giao lại cho tiểu khu Bình Thuận, tiểu đoàn dân sự chiến đấu cũng được cải thành lực lượng DPQ tỉnh, và Nguyễn bắc Sơn cũng giã từ nghề thông dịch viên cho Mỹ tù đó, để :

*'..ngày vui đời lính vô cùng ngắn  
mặt trời thoát đã ở phương tây  
nếu ta lỡ chết vì say rượu  
linh hồn ta chắc sẽ thành mây bay*  
(Mật Khu Lê hồng Phong - Nguyễn Bắc Sơn -1962).

Đây không phải là một bài viết để phê bình thơ, nên không nói tới chuyện hay dở, phương chi Nguyễn bắc Sơn trước năm 1975, đã là một ngôi sao bắc đầu trong dòng thơ miền Nam của thời kỳ 1960-1975. Thật vậy, khi đề cập tới phong trào thơ mới ở ngoài Bắc, nhà thơ Trần Huyền Trân được coi như tiền phong đóng góp trong việc canh tân thể thơ lục bát, sau đó có Bùi Giáng, Viên Linh và Du Tử Lê nhưng chính Nguyễn Bắc Sơn trong cái không gian, mê tỉnh, cái giọng hào sảng ngang tàng đã thổi một luồng gió mới trong thơ. Ngoài ra khi bàn về cái

riêng và cái chung trong hồn thơ Nguyễn Bắc Sơn, các nhà phê bình thơ đã đặt vấn đề vì sao trước năm 1975 và sau này ở hải ngoại, vẫn có nhiều người còn ưa thích đọc thơ ông. Đây cũng là nét đặc dị của người Phan Thiết, cái ngông nghênh của người lính VNCH thuở nào, và trên hết là cái bình dân của người Việt Nam. Đã mất hết rồi, thì thôi hãy góp nhặt lại cái âm vang sầu lắng của một thời làm lính nghênh ngang nơi vạn nẻo đường đất nước, mà Nguyễn Bắc Sơn phô bày trong khi say tỉnh, hư thực:

*‘.kẻ thù ta ơi, những đứa xâm mình  
ăn muối đá và hăng say chiến đấu  
ta vốn hiền khô, ta là lính cậu  
đi hành quân, rượu để vẫn mang theo  
mang trong đầu những ý nghĩ trong veo  
xem chiến cuộc như tại trời ách nước  
(thơ Nguyễn Bắc Sơn)*

Ngoài ra giữa cái đối gian nhân thế, nhiều tên ác tặc đã đội lớp tu hành làm hoen ố chốn thanh tịnh, những người lính như Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn (Sao Trên Rừng, Người Phan Rang), cũng mang cái hương thiên tỏa rộng trong thế giới thi ca bằng thái độ ngất ngưỡng trong cuộc sống hằng ngày, coi đời như có như không, đời đã không có ta hiện hữu thì vương vấn làm gì.

Mới đây, Nguyễn Bắc Sơn từ Phan Thiết có gởi ra mấy bài thơ được nhóm thư quán đăng tải gồm có ba bài: Giai Nhân Và Sách vở, Tâm Hồn Trẻ Thơ và Chuyện Hai Bó Con Tôi. Đọc thơ của người lính ngẫu hứng năm nào, đã cho ta thấy ngay hai hình ảnh bi thảm nhất của con người nơi xã nghĩa: Tuyệt vọng và làm đường. Cái nổi ăn không ngời rồi của đám giang hồ nơi quán cà phê, khi tác giả mang tiền đi hớt tóc, sao mà thê thảm quá; dường như đâu cũng đều hiu đất Hán-Hồ, với gió thu phong, ải Nhạn Môn, hồn tứ xứ, đám phù bình, mộng Hoàng Lương. Ôi thôi toàn là những cảnh đoạn trường với bát cơm tân khổ trong tù ngục, câu chuyện năm năm khiến giạt mình. Đọc thơ mới thấy náo lòng, vì trước đây, Nguyễn Bắc Sơn giống như bố ước mơ làm cho loài người sung sướng, cho cõi đời tốt đẹp, nên trong thơ không hề có cái hiện tượng lạc làm khi ta câu con đú, người câu đến hoặc tuyệt vọng trong cái thiên đàng mà lúc nào ngày cũng muốn tàn, trời cứ nhá nhem và đêm đen bít lối về. Tất cả dường như chỉ là tiếng thở dài héo hắt của một kiếp người, giờ không cần phải che đậy, làm dáng như một số người trong cuộc :

*‘khi gã Yêu Ly đâm Khánh Kỳ  
là đâm trúng phải trái tim mình  
sông Mường Mán không dung hào kiệt  
muôn đời bóng núi đứng chênh vênh*

Nguyễn Bắc Sơn buổi trước từng là nhà thơ lớn, dù bị xếp trong một hàng ngũ nào chẳng nữa, thơ ông tự nó đã là một nhân chứng, vô tâm hay hữu tâm đứng về phía những người lính quốc gia chống cộng sản bảo vệ quê hương miền Nam, trong suốt hai mươi năm (1955-1975) khói lửa. Đây cũng là một phần thưởng vô giá dành cho thi nhân, qua những câu thơ bình dị viết về lính, lại âm vang sầu lắng mãi trong lòng người. Cho nên những người lính già hôm nay, hay nói về Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn, Phan Lạc Tiếp. Phan Nhật Nam... là họ muốn nhớ lại chính mình của một thời tuổi trẻ, gươm đàn nửa gánh, giang sơn một vùng..., thế nhưng chỉ qua một cuộc đời đã tàn phai héo lụn thảm thê:

*‘ta về cúi mái đầu sương điểm  
nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
cảm ơn hoa đã vì ta nở  
thế giới vui từ một lẽ loi.. ’ ’ ’  
(thơ Tô Thùy Yên ).*



Trong ta, tự dưng buồn quá đỗi, nghe xót xa đời. Ba mươi bảy năm qua rồi, nhìn lại không thấy gì mới mẻ trong tâm hồn người Việt Nam ngoài nỗi buồn nhược tiểu và thân phận đói nghèo. Đất nước may mắn không còn chiến tranh và được thống nhất nhưng người dân vẫn không có tự do để sống theo cuộc sống tối thiểu của kiếp người. Cho nên đừng trách những người làm văn nghệ sĩ trong nước luôn sợ mở miệng mất quai, khi sáng tạo. Nếu có trách là trách những người đang sống tự do nơi những nẻo đường hải ngoại, qua thời gian viễn xứ nhưng chỉ vì tiền và chút danh hèn mà không dám mở miệng hay vẫn cứ uốn cong ngòi bút để ca tụng Hồ Chí Minh vì sợ mắc quai Cộng Sản thì làm sao bán buôn các sản phẩm hay thung thăng trở về hưởng thụ.

Đó mới chính là nỗi bi thảm của kiếp người Việt Nam.

*Viết từ Xóm Cồn Hạ uy Di  
Tháng 2-2012*

## Nguyễn Bắc Sơn, nhà thơ đông phương Từ Thế Mộng

Tập thơ xuất hiện dưới một tên mới, là tựa của một bài thơ cũ: "*Ở Đời Như Một Nhà Thơ Đông Phương*" (1995 Sài Gòn). Người làm cái công việc đáng yêu này, tên Nguyễn Thanh Trinh, nhà văn, nhà biên kịch trẻ đầy triển vọng trước 1975.

\*\*\*

Tôi viết về Nguyễn Bắc Sơn là viết về một người bạn, tuổi trẻ hơn mà tài cao hơn.

Sơn sinh năm 1944, tại Phan Thiết, Bình Thuận. Tôi quen Sơn qua Tôn Thất Trâm (Đài Nguyên Vu), người bạn ở trọ trước mặt nhà, cùng tôi chơi với nhau rất thân, bởi cùng yêu cổ văn, mê Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tào Tuyết Cần, Vương Trục Phủ, Tư Mã Thiên... Trâm thổi sáo, ngâm thơ, vẽ, ngón nào cũng tài hoa hơn người, nhất là làm thơ tình thì ... tuyệt.

Tôi phục sát đất. Còn Sơn ư? Sơn chỉ là một chú nhóc - nhỏ hơn Trâm 4 tuổi và tôi 7 tuổi - tôi đâu cần biết chú là ai.

Mãi tới năm 1972, khi tập thơ "Chiến Tranh Việt Nam và Tôi" ra đời, in tại Sài Gòn, chú bỗng vươn vai, cao vượt lên, khiến cho nhiều người phải ngược nhìn.

Thơ Sơn không phải bài nào cũng hay (*xưa nay có người nào được vậy*), nhưng phần nhiều đều toát lên một vẻ gì rất lạ, rất riêng. Thấm đẫm Phật, Lão, Khổng. Sơn làm thơ như nói, như hát, rất nhanh nhẹn, phóng túng, không câu nệ bất cứ hình thức biểu lộ nào, cốt thoải mái, sướng khoái là được.

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cứt  
Nhưng vì sao ta lại yêu em?  
(Trên đường tới nhà Xuân Hồng)*

*Mai ta đừng trận ta còn sống  
Về ghé Sông Mao phá phách chơi  
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điếm  
Vung tiền mua vội một ngày vui*

*(Mật khu Lê Hồng Phong)*

*Mùa này gió núi mưa bùng  
Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan  
(Một tiếng đồng hồ trước khi lên đường hành quân)*

Đặc sệt Nguyễn Bắc Sơn, mà sao lạ ta cứ thấy có mình trong đó, một thằng con trai thời chiến không biết sống nay chết mai, đến chớp mắt còn "nghe súng rừng xa nổ cắc cù".

Thì thôi chứ, ta còn giữ gìn ta mà làm gì, cứ tung hê lên, phá phách đời ta cho đến hết, rồi có ra sao thì ra. Đọc, cứ muốn hét to, cho hả!

Người này đọc, người kia đọc, chuyền tay nhau để mọi người cùng đọc, đến Chu Tử, một anh chàng nhà văn coi trời bằng vung, cũng vung tay, đưa thơ Sơn lên trang nhất, bên trái, nơi trang trọng nhất dành in quan điểm của tờ báo, mang tên "Sống" của mình. Rồi Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyên Sa... những đại thụ thơ văn ngày đó, cũng đồng loạt vỗ tay reo Sơn. Thì thôi chứ, cái hạt cát ngậm ngùi như ta, làm sao thốt nổi nên lời!

Tập thơ theo thời gian đã biến thành của lạ xưa nay hiếm. Nhiều người muốn được in lại, nhưng làm sao in? Thời thế đã thay đổi. Phải sửa một đôi chữ, phải bỏ một đôi câu, nhiều bài phải cắt trộn đi một cách đáng tiếc. Nhưng được cái là thêm vào được một số bài thơ mới, rất Sơn. (Đã gửi kèm một ít cho *Thư Quán Bản Thảo*). Tập thơ xuất hiện dưới một tên mới, là tựa của một bài thơ cũ: "Ở Đời Như Một Nhà Thơ Đông Phương" (1995 Tp.HCM).

*Người làm cái công việc đáng yêu này, tên Nguyễn Thanh Trinh, nhà văn, nhà biên kịch trẻ đầy triển vọng trước 1975.*

Sách in ra, vèo là hết. tôi được tặng một tập, cũng không giữ nổi vì phải tặng lại cho người bạn thơ từ phương xa về. Nguyễn Bắc Sơn có cái tính (tôi thích dùng chữ tặc hơn) rất dễ thương mà tôi nghĩ hiếm có nhà thơ nào được vậy, là thơ mình ai muốn sửa, cứ sửa. Đừng nói một chữ, một câu, mà thậm chí đến cả một khổ thơ đảo lộn từng phèo hết trơn, cũng mặc kệ. Thành ra thơ Sơn có rất nhiều dị bản là vậy.

Tôi có một người bạn, cặp mắt to gần bằng nửa cái rổ của Kim Thánh Thán, một hôm tới chơi nhà, móc túi lấy một bài thơ do mình chép tay của Sơn, khen hay không chịu nổi. Tôi đọc, đúng là hay không chịu nổi thiệt. Vội chép lấy chép để, làm của riêng ngâm nga chơi. Từ đó đi đâu gặp chỗ nào có bạn bè đông vui, là tôi trợn mắt, hoa chân múa tay, đọc. Bạn nghe, vỗ tay miết. Bạn biết đó là bài thơ nào không? Một bài rất cũ - mà cái thằng tôi lạc hậu này, sao lại quên bồng đi mới lạ chứ - chắc nhiều bạn còn nhớ hết. Tôi chép ra đây, bạn sẽ thấy kỳ kỳ, bởi nhiều chữ đã thay đổi, bài thơ đọc tréo ngoe hết trơn. Đó là bài thơ: *Mai sau dù có bao giờ*

*Đêm Phù Cát mặc dù bên ngoài trời rất lạnh  
Nhưng trong căn nhà tranh của thiếu úy Hồ Bang  
Có tình bạn nồng nàn như rượu chôn nhiều năm dưới đất  
Có câu chuyện tình thi vị mang mang*

*Vì ta nghĩ đàn bà người nào cũng như người này  
Nên ta nhủ mình thôi hãy quên em  
Nhưng đàn bà đâu có phải người nào cũng như người này  
Nên suốt đời ta nhớ nhớ quên quên*

*Vì ta nghĩ trời sinh một mình ta là đủ  
Bởi đám đông quây bản nước hồ đời  
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn*

*Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi*

*Dù mỗi ngày ta có xé đi năm, mùi tò lịch  
Nhưng thời gian đâu có chịu trôi nhanh  
Dù đen bạc là nơi cố xứ  
Nhưng đi biển biệt cũng không đành!*

Thật khác với nguyên bản trong *Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi* phải không bạn? Vậy mà hôm Sơn cùng thầy Vĩnh Giên lên thăm, bảo có người ở Pháp cần mà không tìm đâu ra, nhờ tôi chép lại giúp. Đọc xong, Sơn có tỏ vẻ gì khác đâu, ngoài đôi mắt sáng khác thường.

Nguyễn Bắc Sơn, cái anh chàng quen sống phóng túng, ưa la cà với bạn bè, ai rủ cũng đi, không rủ cũng đi, đi bất cứ đâu, ở bất cứ nơi nào có bạn, không cần biết trong túi có gì. Bởi anh chàng có gì, đã móc túi ra ban phát cho kỳ hết: cụ già, người tàn tật... mà chàng cho là những vị Phật sống trên đời, ngửa tay ra xin, là chàng không bao giờ từ. Chỉ tội cho người vợ xinh đẹp của chàng đi tìm tá lả đến mấy ngày cũng không thấy. Phải tốt lên xe, đỗ mắt đưa về.

Sau khi in tập *Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi* được mọi người công kênh, Sơn nẩy ra ý viết "*Tư Tưởng Nguyễn Bắc Sơn*". Còn trẻ, ai cũng ấp ủ một giấc mộng lớn, được thôi. Có người nói Sơn dốt tổ, con nít mà đòi lên mặt làm triết gia. Cũng đúng, sống ở đời mỗi người một ý, hơi đâu, đường ta ta cứ đi. Lớn tuổi, mộng tan dần, đường ta đi khó.

Sơn ốm tong, má hóp nhưng mắt sáng kỳ lạ, người chắc nụi. Sơn tập võ thuật từ nhỏ, huyết đạo nào cũng rành. Lớn tuổi, những lúc rảnh rỗi, Sơn thường chăm cứu, cứu người, nghe nói cũng khá. Mấy năm nay, Sơn bỏ ra ít nhiều công sức, biên soạn cuốn "*Tiểu Luận Về Thy Đạo*" dài 9 chương, đại ý dùng thơ chữa bệnh giúp đời. Sơn chép tặng tôi một chương, tôi đọc đến hoa cả mắt, vẫn không hiểu làm sao chỉ đọc thơ không mà chữa được bệnh. Thơ phần nhiều trích trong truyện Kiều của Nguyễn Du, và những Mưa nguồn, Lá hoa còn... của Bùi Giáng. Mộng tưởng cao xa, lời lẽ gần như khủng khiếp, xin lỗi, tôi giữ làm gì, bèn đem cho bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, đọc chơi. Nghe nói Sơn đã gửi tập tiểu luận này qua Canada, để phổ biến và để lãnh... giải thưởng lớn! Chữa bệnh bằng thơ của Nguyễn Bắc Sơn thì tôi không tin, chớ đọc thơ Sơn để nhắm rượu thì thú tuyệt, tôi làm hoài. Bạn đến chơi nhà bất ngờ quá, đồ nhắm đâu có sẵn, bèn bày rượu, lấy thơ Sơn ra ngâm: "*Đàn bà dễ sợ quá ta / Thịt đang liền lại xé ra làm mồi*". Mồi cỡ đó, hỏi lòng nào không say?

Tôi tên thật là Nguyễn Đình Tư, vì trong lớp đệ thất trường Phan Bội Châu xưa năm 1952 ở Phan Thiết, có một Tư nữa là Trần Văn Tư. Bạn bè bèn đặt cho Tư nhỏ nhắn như con gái là Tư Nữ, còn tôi đảo ngược là Tư Đình. Chết tên từ đó. Nguyễn Bắc Sơn đùa "*Tư Đổ, Tư Mã, Tư...Không / Ba Tư dồn lại thành ông Tư Đình!*". Dồn mấy cũng được (càng dồn càng sướng), bởi tôi vốn phùng mê gái, thấy gái đẹp là mắt sáng rỡ. Nghe, nhập tên, nhớ hoài!

Sơn, với ai, cũng dễ thương, dễ gần. Gặp bạn, là vung tay làm thơ, tặng bạn. Chữ viết như bay trên mặt giấy. Thích quá, còn vẽ thêm hai con mắt to tổ chảng, chắc là để hào quang chiếu rọi lên thơ. Sơn làm thơ nhiều, nhưng giữ chẳng được bao nhiêu. Bạn bè giữ hết. Thương Sơn, xin góp nhặt lại giúp. Bài viết này cũng chính là một phần của sự góp nhặt đó, dù rất nhỏ.

*Phan Thiết, 12.5.2005*

( Xin xem Thy đạo I & II của Nguyễn Hồng Ngọc  
ở phần "Tác giả và Tác phẩm Nguyễn Bắc Sơn III" )  
**Chân dung tự họa**



Đời bắt một kẻ làm thơ như ta đi lính  
bắt lê la mang một chiếc mai rùa  
nên tâm hồn ta là một cánh đồng úng thủy  
như con nước buồn sau mỗi cơn mưa

Ở thành phố này ta là người phản chiến  
suốt tháng ngày ta chỉ muốn rong chơi  
râu tóc mọc dài như bầy cỏ loạn  
sống thật âm thầm ai biết ta đâu

Đôi khi ta lên núi Tà Dôn uống rượu  
trời đất bao la ta chỉ có một mình  
nhưng ta quên sao được cuộc đời dưới đó  
quên những con người bơi bần kiếp nhân sinh

Ngày hôm nay ta muốn chặt đi bàn tay trái  
để được làm người theo ý riêng ta  
ngày hôm nay ta muốn chọc mù con mắt phải  
ngày hôm nay ta muốn bỏ đi xa

Khi nâng chén lên ta cười cao tiếng  
cười lên đi những tiếng khóc bi hùng  
đời bắt một kẻ làm thơ đi lính  
chiếc mai rùa đã nặng ở trên lưng

## Phiêu du từ thơ miền Nam trong thời chiến Nguyễn Mạnh Trinh

Đêm đã thật khuya. Cuốn sách trên tay. Đọc mê mải. Quá khứ như hiện về, những ngày tháng đã qua dường như hồi sinh lại. Đi tìm thời gian đã qua chứ không phải đã mất, những bài thơ vẫn còn trong tiềm thức một lúc nào ào ra, mãnh liệt. Thơ của chiến tranh, ngày nào đã gần bốn chục năm mà tưởng như mới hôm qua. Những câu thơ của một thời. Tôi thấy mình thiếp đi trong cơn phiêu du. Những giấc mơ lẫn lộn giữa cái mình đã sống và cái mình đã cảm. Giờ những trang sách, cảm nghĩ ủa tới. Thấy mình, thấy người, thấy những số phận đã buộc trôi vào nhau trong cơn cuồng loạn của chiến tranh.

"Thơ Miền Nam Thời Chiến" là bộ sưu tập do hai người lính VNCH năm xưa thực hiện và cũng là hai nhà văn đã viết trong khoảng thời gian ấy. Nhà thơ Trần Hoài Thư và nhà văn Phạm Văn Nhân. Những công trình gom góp lại từ 263 thi sĩ, trải qua bao nhiêu cuộc biến thiên, bao nhiêu lần phần thư khốc liệt. Có một thời, thơ Miền Nam đã bị những âm mưu xóa nhòa trong văn học sử để thay vào đó là những cây bút sống chui rúc trong rừng trong bụi, hay những người từ

miền bắc trở vào đội danh cải lốt. Những người chủ trương Thơ Ân Quán đã khởi đi trong tro tàn để sưu tập cho được những chân dung thi sĩ đã một thời tạo nên những sinh hoạt văn chương đẹp đẽ và nhiều thời đại tính.

Đọc bài giới thiệu của nhà văn Đặng Tiến, một bài văn viết rất hàm xúc và có giọng điệu riêng của những người phê bình thừa nội lực. Nhà văn Đặng Tiến có một thời sinh sống khá lâu ở bên Pháp mà hiểu rõ được những sinh hoạt văn học ở miền Nam để giới thiệu "những trang thơ được sưu tập từ một thời kỳ đen tối của quê hương, khởi điểm bằng lệnh tổng động viên và chấm dứt bằng ngày 30 tháng tư năm 1975" là một điều bất ngờ kỳ thú. Hơn nữa, hình như nhà văn Đặng Tiến không phải là người lính mà có những lời giới thiệu thật nồng nàn và nhiều chia sẻ. Đó cũng là điều bất ngờ kỳ thú thứ hai. Đọc trong bài giới thiệu, thấy có đoạn văn làm tôi hơi ngỡ ngợ vì sự chính xác của nó. Nhà văn Đặng Tiến viết:

"...Lại công bình mà nói: miền Nam thời đó, không phải là không có thơ tuyên truyền, nhưng vì không mấy người ưa, không mấy ai nhớ, ban sưu tập không ghi lại, cũng là duy lý.

Tuy nhiên, nếu nhất thiết phải tìm cho ra một lập trường chính trị cho thơ Miền Nam, thì nó là: khát vọng hòa bình, khát vọng này mang theo những hệ luận: tình yêu quê hương, gia đình, vợ chồng nam nữ bạn bè đồng đội. Dường như không có một ngoại lệ nào qua sưu tập. Một "lập trường" như thế dĩ nhiên là "nhân bản" và cao quý. Nhưng người yêu nền thơ họ không phải vì cái nhân bản kia mà vì thơ hay, hoặc vì nhiều đặc điểm lý thú. Ngày nay, nếu các bạn nêu cao ngọn cờ "nhân bản tự do" thì ra "chỗ" tránh vỏ dưa đạp phải vỏ dứa. Cái bẫy bên trái hay bên phải vẫn là cái bẫy."

Có phải lập trường chính trị cho thơ Miền Nam là khát vọng hòa bình, mà các tình yêu quê hương, gia đình, chồng vợ, nam nữ, bạn bè đồng đội chỉ là hệ luận?

Có thể điều đó đúng với một số người chứ không phải ở số đông. Khát vọng hòa bình chỉ là một, còn nhiều khát vọng khác, nhiều mong ước khác cho dân tộc, cho đất nước. Cũng như những người lính có ý nghĩ khác với người không phải là lính. Họ có những suy tư ý nghĩ khác nhau, không phải như kiểu đồng phục một loạt của những nhà văn nhà thơ của hiện thực xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

Ở những người thường, có người lính chiến đấu vì sợ bị Cộng sản thắng và bị hành hạ bởi những tấm gương tày liếp mà có thể họ đã trải qua từ vụ đấu tố của cải cách ruộng đất. Hay có người lính chiến đấu vì tình đồng đội và màu cờ sắc áo của đơn vị mình. Cũng có người chiến đấu để yên ổn cho địa phương mình như các chiến sĩ áo đen dân vệ giữ gìn xã ấp... Còn với người lính làm thơ, không phải chỉ với khát vọng hòa bình là độc nhất. Mà họ còn nhiều tâm tư khác nữa, phức tạp hơn. Và chính đó cũng là sắc thái đặc biệt của thi ca miền Nam. Họ làm thơ không vì một điều gì khác thúc đẩy ngoài việc họ muốn nói lên tâm tư tình cảm của thế hệ họ.

Hãy đọc thơ Trần Hoài Thư, người thực hiện bộ sưu tập xem có bao nhiêu bài anh viết về khát vọng hòa bình? Hãy đọc bài thơ anh ca tụng Qui Nhơn, nơi anh đã đổ máu mình trong chiến trận tại đó:

".... Bởi vậy tôi về nằm ngay cửa phố  
Bên cây xăng ông Tề nhìn ra đằm  
Tôi nói rằng tôi yêu Qui Nhơn bao nhiêu  
Nên tôi điên rồ chạy đầu chạy trước  
Tôi biết rằng khi xa Qui Nhơn chắc khóc  
Nên tôi càng tha thiết với Quy Nhơn  
Và khi máu mình đổ xuống mặt đường  
Tôi mang chiến thương tạ tình thành phố..."

Trong chiến tranh, có rất nhiều người phản chiến. Có người nguyện hòa, để che giấu những mưu đồ riêng hay sự sai phải của phía bên kia mà sau ngày 30 tháng tư năm 1975 đã lộ mặt. Và, cái chiêu bài khát vọng hòa bình vẫn là chiêu bài được sử dụng... Ở thực tế, chiến tranh chấm dứt từ năm 1975 nhưng đất nước trong tay những người chiến thắng trở nên tan nát và đổ vỡ đến mức VN là một quốc gia đói nghèo và chậm tiến bậc nhất trên thế giới.... Đặng Tiến lại viết: "...Lẽ thường trong chiến tranh là thắng hay bại. Điều lạ là trong tập thơ này là không có chiến thắng dù trong mơ ước hay công nghiệp..."

Đọc tới đó, tôi lại giữ bài thơ của Lâm Hào Dũng, trong bộ sưu tập. Bài "Ngày về Ben Hét":

"...Ta pháo gầm vang một góc rừng  
đồi tây giặc khiếp ngấm đồi đông  
những ai trong phút kinh hoàng ấy  
tay súng trang nghiêm mắt trợn trừng  
anh ở miền Nam lạc đến đây  
còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay  
chiến tranh như thể trò tiêu khiển  
của lũ con buôn xác chết này..."

Hay, "Về Ashau" của Cao Hoàn Nhân nói về chiến công của các chiến sĩ nhảy dù, Lôi hổ:

"...Một thung lũng Ashau  
mây trời vang âm hưởng  
Rừng U Minh, Tam Giác Sắt, Đổ xá, Vũng Rô...  
Cây đá hoang mang lau lách dựng mồ  
Và - lịch sử. Ta làm thơ ca tụng  
Ta phấn khởi vì chiến công  
Đứng lên cao vì miền Nam anh dũng  
Dưới nắng ấm Trường Sơn  
Ven Cửa Long phù sa nắng đẹp lúa thơm..."  
Và - kiêu hãnh thơ ta huy hoàng chiến tích..."

Hồi ở trong trại tù, tôi đã nghe cái luận điệu là không có kẻ thắng người bại trong cuộc chiến này, mà người chiến thắng là tất cả dân tộc Việt Nam ở cả hai phía. Thành ra, nghe điều gì có âm hưởng như thế đâm ra chạnh lòng. Những cái gì đẹp quá, lý tưởng quá chỉ có thể có trong tuyên truyền trong dối trá. Tôi rất thành thực khi nghĩ như thế. Dù rằng, đọc thơ mà có thiên kiến thì mất vui.

Cảm giác ấy chợt có như tôi đọc bài thơ "Em tôi và những người bạn mình không ưa" của Nguyễn Hồi Thủ. Tác giả này thú thực tôi ít đọc tới, dù đôi khi được những người trong nước kể là một nhà thơ hải ngoại có "tâm tiếng" và rất "yêu nước". Bài thơ hình như tả lại một hội nghị bàn luận về hòa bình, như hòa hội Ba Lê chẳng hạn (tôi độ chừng thế!):

"Em nói tiếng hòa bình  
đôi môi em rất xinh  
tôi nói tiếng hòa bình  
tim tôi đập rất nhanh  
người nói tiếng hòa bình  
người trợn đôi mắt xanh  
anh nói tiếng hòa bình  
vẫn còn giơ tay đấm  
em nghĩ đến quê hương  
đôi mắt em rất hiền  
tôi nghĩ đến quê hương

lòng tôi như dòng sông  
ngươi nghĩ đến quê hương  
ngực ưỡn về đằng trước  
anh nghĩ đến quê hương  
bạm môi và nhăn trán  
mà suy nghĩ liên miên  
em trước bàn hội nghị  
tóc xõa như nàng tiên  
tay ngà ôm lấy trán  
ngươi trước bàn hội nghị  
vung tay ra đằng trước  
vút tiền ra đằng sau  
anh trước bàn hội nghị  
già mồm như gái đĩ  
cùi chỏ thúc ra sau  
xem mấy kẻ gặt đầu..."

Đọc tới đây, đủ rồi..... Tôi như thấy một người bạn âu phục lịch sự tay giơ cao mồm lu loa và đội chiếc nón... cối. Không biết tôi có "lầm không đây khi" đội mũ "cho một Việt Kiều yên nước!!! Còn những điều làm tôi tâm đắc. Tôi tìm thấy rất nhiều trong bộ sưu tập. Những cuộc đời, những tâm sự, dàn trải ra một thời đại khốn khó của dân tộc nhưng hùng tráng trong bi thảm biết bao. Nhất tướng công thành vạn cốt khô, nghĩa trang Biên Hòa rêu phong cỏ áy và nghĩa trang Trường Sơn bạt ngàn mộ chí không tên.

Tôi đọc những bài "Thơ Miền Nam trong thời chiến". Thú thực tôi như bị dẫn đi trong những cuộc trường hành. Của những đoạn đường chiến binh, qua những địa danh đất nước. Ở đó, có cảm xúc từ những bài thơ biên tái, của những nỗi niềm rất người đậm chất nhân bản. Không phải tất cả các thi sĩ đều khoác áo lính. Có khi họ là thầy giáo, công chức hay những nghề tự do khác. Nhưng họ đều có chung hơi thở của một thời đại chiến tranh. Họ chia sẻ với nhau những số phận thời chiến mà Trần Hoài Thư gọi là "tội tình", thân phận của những con chót thí trong trò chơi quyền lực.

Có một điều, nếu có ai khoác cho thi ca của họ những ý thức này, những vận dụng kia thì đó chỉ là những cái áp đặt nhiều khi không thực tế. Nhiều người làm thơ, gián dị là muốn làm thơ, để cho mình hoặc bạn bè mình đọc và không nghĩ đến đẳng cấp này gửi chỗ kia. Họ viết trong cái tâm vô tư ấy nên có nhiều bài cảm khái rất hay mà không được phổ biến. Nếu gặp duyên khởi hay may mắn, họ sẽ thành những nhà thơ cự phách. Thành ra, trong bộ sưu tập này có nhiều tên tuổi lạ nhưng là tác giả của những bài thơ thật hay...

Tôi nhớ lại một thời của cá nhân tôi, từ những bài thơ đọc để nhắc lại trong ký ức. Trước năm 1968, tôi còn trẻ lắm và đang học ở đại học. Tuổi ấy, cũng có những băn khoăn về thời cuộc, cũng có những thắc mắc triết học, như một thời thượng thuở đó. Khi là sinh viên cũng có lúc xuống đường, hay tham dự các sinh hoạt xã hội như các bạn đồng lứa tôi. Cho đến khi vào lính, gián dị là theo lệnh tổng động viên không muốn làm người sống ngoài vòng pháp luật. Hơn nữa, nhận thấy rằng sống và trưởng thành ở đất nước này thì phải thi hành nhiệm vụ quân sự là điều tất nhiên.

Bây giờ đọc những bài thơ với nhiều tên tuổi thi sĩ quen thuộc lúc ấy. Tôi không thể nào quên những tối mưa mù mịt ở Pleiku, ra phố mua một tờ Văn hay Bách Khoa rồi luồn vào trong áo lạnh nhà binh để cho khỏi ướt. Và, tối về nằm đọc như thấy lại Sài Gòn, thấy lại một thời ngồi ghé nhà trường, và hồi tưởng lại những hình ảnh đã qua của thơ mộng tóc xõa dài lưng vai áo trắng. Dù ở xa xôi nhưng trong phòng nhỏ ở cư xá độc thân tôi cũng có kệ sách nhỏ và các tạp

chí văn chương là những món giải trí thiết yếu mỗi đầu tháng. Lúc ấy, tôi cũng tập tành làm vài ba câu thơ, khi thì đề trang trải tâm sự khi thì biểu hiện những mơ ước lãng mạn bình bồng. Thi ca với tôi lúc ấy như bông hoa tươi đẹp biết bao. Những ngày biên trấn như nồng ấm thêm của nỗi niềm mệnh mang đợi ngỏ.

Mấy ngày nay ở nơi tôi ở trời đang mưa. Những giọt mưa gõ vào mái nhà như đang gõ vào trong tim tôi tiếng vọng thẳm của bước chân nào trở lại những ngày tháng cũ. Tôi nhớ lại những đêm mưa Pleiku. Gió mưa ào ạt trong cái se lòng của đất trời. Đọc những câu thơ sao mình tưởng tượng đến những cánh chim đang bay giỡn đùa cùng sương gió. Thấy mình háo hức trong cõi mộng thanh niên và cũng già đi những suy tư của những ngày tháng mặc quần áo trận. Cảm khái chập chùng, nên thi cảm chất chứa trong óc trong tim. Giở từng trang lại từng trang, một đời lính tôi chỉ vồn vện từ 1968 đến 1975 sao dài quá, dài như cả một đời người. Lúc đó, thơ đã thành những mơ mộng lãng mạn để thấy mình như trong một cơn đồng thiếp chữ nghĩa nào.

Đọc thơ Lâm Hảo Dũng để nhớ về Bản Hét, gọi lại lúc ghé Dakto, hay nhìn lại buổi chiều Hàm Rồng. Ôi, Hàm Rồng cái tên đẹp đẽ của ngọn núi như thế lại có hình dáng rất là gợi cảm của bộ phận sinh dục người phụ nữ. Những chuyến không hành từ Sài Gòn hay Ban Mê Thuột trở về Pleiku khi nhìn thấy đỉnh núi gợi cảm ấy là biết rằng đã gần về sân đáp. Với thơ Lâm Hảo Dũng, cảnh với người hình như có gì ràng buộc với nhau và trong cuộc chiến, cái giây phút mơ mộng hiếm hoi đã làm tươi thắm hơn những rặng núi mù lam vây kín chân trời:

"Con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ  
Gió lơ thơ nghe nắng mới ngập ngừng  
Anh sống thờ trong tâm hồn trai trẻ  
Nghe nỗi buồn đâu đó đến phân vân  
Hoa cúc dại thắm trên đường xa tấp  
Và quê hương tha thướt lá xanh trà  
Em có thả những chòm mây nhưng nhớ  
Cho rừng hoang im lắng tiếng chim ca  
Đời viễn khách mơ hồ không biết được  
Bước chân vang rộn rã buổi quay về  
Em mắt biếc hồn nhiên bên cánh cửa  
gửi hương nồng quay quắt bóng người đi. "

Lâm Hảo Dũng có hai câu thơ đọc nghe nhức nhối, như luồng điện dí vào da thịt. "Chư Pao ai oán hồn trong gió. Mỗi một khăn tang một tắc đường. " Câu thơ của những ngày hè đỏ lửa 1972, khi chốt Chư Pao của Bắc quân cắt ngang đường tiếp tế cho Kontum đã biết bao nhiêu chiến sĩ hai bên hy sinh và biết bao nhiêu tấn bom đạn đã đổ trên mỏm núi.

Nhớ Pleiku, đọc thơ Kim Tuấn. Những Bản Hét, Pleime, Đức Lập, Pleimerong, Đức Cơ, những địa danh của một thời mịt mù lửa đạn. Đọc một đoạn thơ, như thấy lại những đời lính thú. Những câu, những chữ có xót xa, có nhung nhớ nhưng cũng có nét hùng tráng của những người lính trận xa nhà:

"Bản Hét những chiều không pháo kích  
trời im nghe gió thổi qua mau  
rừng im nghe tiếng chim xào xạc  
đồn im nghe súng bỗng dựng sào  
Bản Hét hành quân vùng Tam Biên  
Núi cao như dựng với sông liền  
Rừng sâu màu lá xanh da mặt  
Cơm sậy ăn sao nhớ mẹ hiền



Mẹ hiền phương đó con đầu núi  
Bưng biền chưa hết trọn đời trai  
Bưng biền đem gối tay lên súng  
Bỗng thấy thương thân bỗng thở dài..."

Đọc thơ Nguyễn Bắc Sơn lại trong trang sách sưu tập, dù đã đọc nhiều lần. Thế mà vẫn thấy bưng bưng như có men say một thời nào vừa xa xôi vừa gần gũi lắm:

Mai ta đừng trận may còn sống  
Về ghé Sông Mao phá phách chơi  
Chia sớt nỗi buồn cùng gái điểm  
Đốt tiền mua vợ một ngày vui  
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn  
Mặt trời thoáng đã ở phương tây  
Nếu ta lỡ chết vì say rượu  
Linh hồn sẽ chắc thành mây bay  
Linh hồn ta sẽ thành đom đóm  
Vợ vẫn trong rừng động Thái An  
Miền Bắc sương mù giăng mấy quận  
Che mưa giùm mấy nắm xương tàn. "

Đọc thơ Chinh Yên, nhớ lại những ngày ứng chiến trong hầm đại liên nhìn ra tuyến, đọc thơ Thanh tâm Tuyền, đọc sách Phạm Công Thiện để nhìn thấy qua lỗ châu mai thấy những sợi mây bay. Đọc, để cảm khái:

"Hiền sĩ đọc thơ bên lều cỏ  
tôi đọc thơ giữa chốn ba quân  
cách nhau mỗi ngày là mỗi lạ  
hướng hồ trên dưới mấy trăm năm  
hiền sĩ có trăng treo ngoài ngõ

để lâu lâu ngắm nghĩa đỡ buồn  
tôi có gì đâu ngoài súng nhỏ  
máng đầu giương chạm gió kêu khan  
hiền sĩ có cây già tựa gối  
có chim ngàn ở ẩn chia vui  
tôi có gì đâu ngoài nón trận  
tránh đạn bom nhờ chút hên xui..."

Có những bài hành đọc lên hụt hơi ngút ngàn hào khí. Những câu thơ dồn dập suy tưởng ào ào lồi lõm. Những câu thơ dài theo nhịp trống quân hành, những câu thơ của từng phút giây mệnh mang cảm giác. Tôi đọc "Biên Cương hành" thơ Phạm Ngọc Lưu:

...Đây biên cương, ghé thay biên cương  
tử khí bốc lên dày như sương  
đá chảy mồ hôi rừng ứa máu  
rừng núi ta ơi đến chia buồn  
buồn quá giả làm con vượn hú  
nào ngờ ta con thú bị thương  
chiều hôm bắt tay làm loa gọi  
gọi ai nơi viễn xứ tha phương?  
Gọi ai giữa sơn cùng tận  
Ai người thiên cổ tiếc máu xương?  
Em đâu, quê nhà chong mắt đợi

Hồn theo mây trắng ra biên cương  
Thôi em, yêu chi ta thêm tội  
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương  
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ  
Hoặc ngày ta mất nhắm tay buông  
Thôi em, chớ liều thân cô phụ  
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường  
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch  
Kinh Kha đời nay cả vạn muôn  
Há một mình ta xuôi biên tái  
"nhất khứ bất phục phản" là thường..."

Như gió mây hội ngộ, hánh quân qua bến phà Mỹ Thuận gặp bạn đánh chén say mềm. Thơ Hà Thúc Sinh như tiếng cười ngạo nghễ tràn đầy cảm khái. Cười như cuộc sống là một trò đùa và trò chơi đánh trận như là một cuộc cút bắt với thiên thu:

"Hãy cạn ly chết bỏ  
tôm cua cá lươn sò  
lượng ta còn nguyên vẹn  
còn cả cái Seiko  
Cửu Long giang ra biển  
Sẽ chẳng trở về đây  
Chiến tranh hề gặp gỡ  
Có chắc lần thứ hai  
Mai mỗi thằng mỗi ngã  
Thằng Cà Mau, Năm Căn  
Thằng Bình Dương, Bình Giả  
Thằng địa ngục thiên đàng  
Nhưng ta không sợ chết  
(hơi ngán què đôi chân)  
còn mày sao lại khóc  
cứ cười lên đi con  
ta anh hùng tứ xứ  
há thua những bông hồng  
nơi rừng U Minh hạ  
còn đám nở dưới bom  
cứ cười như hòng súng  
bắn cuộc đời vỡ toang  
ha ha ha ha ha  
như hòng súng  
ha ha ha

Đời vỡ toang "Đọc thơ Cao Thoại Châu. Đọc thơ Vũ Hữu Định. Đọc thơ Hạc Thành Hoa. Đọc thơ Hồ Minh Dũng. Đọc thơ Thái Tú Hạp. Đọc thơ Trần Tuấn Kiệt. Đọc thơ... Đọc thơ.... Những bài thơ tiếp nối nhau từ sông ra biển, từ nơi chốn này đến địa danh khác. Thơ, trong suốt đêm mưa hôm nay, đã thành một không gian của trăm chiều chuyển động, của xôn xao cảm giác, của nhớ và quên lẫn lộn, thấy mình và người quán quít hình nhân. Tôi đọc thơ mê mải. Tôi như bơi theo dòng. Tôi như sống một thời gian không gian nào của những ngày đôi mươi của xê-như-xang áo trận của những lúc tưởng mình là người mang nặng mọng ước trên vai.

Lúc ấy, mới thấy sâu xa cảm tình của những người chia sẻ với nhau nỗi niềm của chung mang thời thế. Để có một lúc phải nhủ thầm trong lòng. Cám ơn những thi sĩ, những người đã góp

công làm đẹp quê hương. Và, cũng phải tri ân những người thực hiện bộ sưu tập để những vần điệu thi ca của một thời kỳ được miên viễn từ cuộc hồi sinh chữ nghĩa....

(Qua trích dẫn của Nguyễn Mạnh Trinh với Đặng Tiến về tác giả xin xem bài viết *Nguyễn Bắc Sơn - Đặng Tiến* dưới đây)

## Nguyễn Bắc Sơn Đặng Tiến

Đọc lại thơ Miền Nam, ba mươi năm sau ngày chiến tranh kết liễu:

*Mai ta đặng trận ta còn sống  
Về ghé sông Mao phá phách chơi  
Chia sớt nỗi buồn cùng gái điểm  
Đốt tiền mua vợ một ngày vui*

Đây là một đoạn thơ Nguyễn Bắc Sơn đã từng làm xao xuyến dư luận khi xuất hiện trên báo giới Sài Gòn khoảng 1970, như trên tuần báo Khởi hành của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhiều người đọc, nhất là giới thanh niên, ngạc nhiên và sảng khoái trước những lời thơ ngang tàng, bi tráng, ý thơ u uất, kiêu bạc, bất cần đời. Câu thơ phơi trải tâm trạng một lớp thanh niên Miền Nam, vào thời điểm quyết định của chiến tranh – và từ đó – làm chứng từ cho một khía cạnh của cuộc chiến kéo dài non hai mươi năm.

Tâm trạng kia và chứng từ nọ đã được ghi lại trong tập thơ *Chiến tranh Việt Nam và Tôi* xuất bản năm 1972<sup>[1]</sup> thời đó đã ít người được đọc trực tiếp nguyên tác; bây giờ dĩ nhiên là tuyệt bản. Năm nay nhiều cơ quan tổ chức kỷ niệm ba mươi năm chấm dứt chiến tranh (1975-2005), tưởng cũng nên đọc lại chứng từ Nguyễn Bắc Sơn. Thì may thay, các bạn ở nước ngoài đã sưu tầm và tái bản tập thơ để tặng biếu bạn bè. Đây là một việc làm cao đẹp, đi từ tình bằng hữu thủy chung và nồng nhiệt đến việc bảo tồn văn học lâu dài, bên ngoài mọi ý đồ chính trị. Thậm chí cái năm 2005 kỷ niệm này có lẽ cũng chỉ là tình cờ so với việc tái bản. Việc làm như thế đáng được giới thiệu rộng rãi và nhiệt thành cổ vũ<sup>[2]</sup>.

Nhiều người nhớ đoạn thơ nói trên vì tâm tư một thời đại, nhưng nó tồn tại lâu dài trong tâm thức người đọc là nhờ giá trị nghệ thuật – bên cạnh giá trị lịch sử mà không ai chối cãi.

Diễn hình cho thi pháp Nguyễn Bắc Sơn là từ vựng: câu đầu trên 7 chữ, đã có 5 từ diễn tả niềm hoang mang trước cuộc sống mỏng manh, bao quanh một chủ từ “*ta*” phù du hiu hắt; “*mai*” là cuộc sống đếm từng ngày; động từ “*đặng*” vừa chủ động: có đi mới đặng, vừa thụ động vì có tính cách tình cờ, tai hại ngoài ý muốn: “*anh đi nhẹ nhẹ, đặng giường má hay*”. Người lính *đặng trận* như người thường đặng xe, đặng mưa; bình thường, chính xác hơn, người khác sẽ nói: đặng giặc, đặng địch. Nhưng trong thơ Nguyễn Bắc Sơn không thấy có đối phương.

Trong câu sau *Sông Mao* là một thị trấn nổi danh vì chiến tranh: từ 1955 Sư đoàn 5, người Nùng đóng ở đó, với khu gia binh di cư vào, và đời sống mang sắc thái riêng, về sau là các căn cứ quân sự Hoa Kỳ. Do đó địa danh sông Mao, tự nó đã có âm hưởng chiến tranh, và quả thật nơi đây “*có nhiều nhà điểm và nhiều trại lính*” (tr. 11) như lời thơ Nguyễn Bắc Sơn.

Nói *phá phách chơi* là phách lối chơi, nói cho hả, nói cho đã, chứ Nguyễn Bắc Sơn là binh nhì Địa phương quân “*hiền khô, lính cậu*” thì sức vóc bao nhiêu mà phá phách, nhưng giọng thơ ngang tàng ở đây pha lẫn một ít Lương sơn bạc, Tiểu ngạo giang hồ với tinh cách Lê dương

mà tác giả, sinh năm 1944, còn ghi trong ký ức; “đốt tiền” cũng là lối nói ngông, như Nguyễn Bính “tiêu hoang cho đến hết”, nhưng chữ “đốt” ngông cuồng, nóng nảy hơn, phục vụ đắc lực cho ý đồ “mua vội một ngày vui” với những âm môi *m*, *v* mập máy và luyên láy, như hấp ta hấp tấp. Tâm tình tác giả buồn vui lẫn lộn, mâu thuẫn: *chia sót nỗi buồn* nghĩa là nỗi buồn tràn bờ, nỗi buồn hiện hữu làm căn bản cho cuộc sống. Sau trận đánh còn sống, tự thân nó, chưa phải là niềm vui, cho nên phải đốt tiền để mua vui. Ở một bài thơ khác, tác giả nói rõ:

*Một trẻ con mới sinh  
Chắc gì là một điều đáng vui  
Một người chết  
Chắc gì đã là điều đáng tiếc* (tr. 25)

Một câu thơ khác, hào sảng, bi tráng hơn:

*Đòi mình như ly rượu cạn,  
Hất toẹt đòi đi chẳng nhú mày* (tr. 58)

*Hất toẹt* là một hình ảnh kinh bạc chưa từng thấy trong thơ Việt Nam. Đòi đáng sống hay không đáng sống là câu hỏi đã ngàn năm của loài người. Nhưng ở mỗi thời điểm nó dấy lên nét bi đát riêng. Vào khoảng 1970 hơi thơ Nguyễn Bắc Sơn tính phi lý và bi kịch đã được chiến tranh, vào giai đoạn cuối, nâng tầm lên cao điểm. Có nhiều lối nhìn khác nhau về bản chất cuộc chiến, thịnh hành nhất vẫn là lối nhìn từ bên chiến thắng.

Đây là cách nhìn Nguyễn Bắc Sơn:

*Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi  
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí  
Lũ chúng ta sống một đời vô vị  
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau  
Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu  
Những cột khói già rỗng thiêng uốn khúc.*

Đây là trò chơi súng đạn, sống chết và hai đối thủ xem nhau như cừu thù:

*Ta bắn trúng người vì người bạc phước  
Vì căn phận người xui khiến đó thôi..*

Đây là kinh nghiệm đánh chác:

*Dừng chân nơi đây nói chuyện tiếu lâm chơi  
Hãy tựa gốc cây, hãy ngắm mây trời  
Hãy tưởng tượng mình đang đi pic nic  
... Lúc này đây ta không thèm đánh giặc  
Thèm uống chai bia, thèm châm điếu thuốc  
Thèm ngọt ngào giọng hát em chim xanh.*

(Trích từ bài “Chiến tranh Việt Nam và Tôi”, tr. 38)

Sau cuộc chiến, nhà thơ Cao Tần di tản sang Mỹ, hồi tưởng lại đời lính, cũng chẳng khác chi Nguyễn Bắc Sơn:

Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ  
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai  
Vừa đánh giặc vừa lừng khừng triết lý  
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai  
 (“Cảm khoái”, 1977)<sup>[3]</sup>

Khổ thơ này cũng như đoạn “*mai ta đụng trận*” trích ở đầu bài nằm trong một bài thơ mang tên

Mặt khu Lê Hồng Phong, một chiến trường ác liệt, chạy dài khoảng 40 cây số dọc biển, từ Phan Thiết đến Phan Ri. Nơi đây, năm 1970 đã xảy ra nhiều cuộc ác chiến – phần nào để giải tỏa bớt sức ép của chiến trường Cầm Pu Chia vừa mới mở ra. Trước trận sông Mao này không lâu, thì Thiệt Giáo, 1969, cũng là chiến trường ác liệt.

*Chiều Thiệt Giáo hồn mình đầy bóng núi  
Con đường mịn ươm vết máu đơm khô*

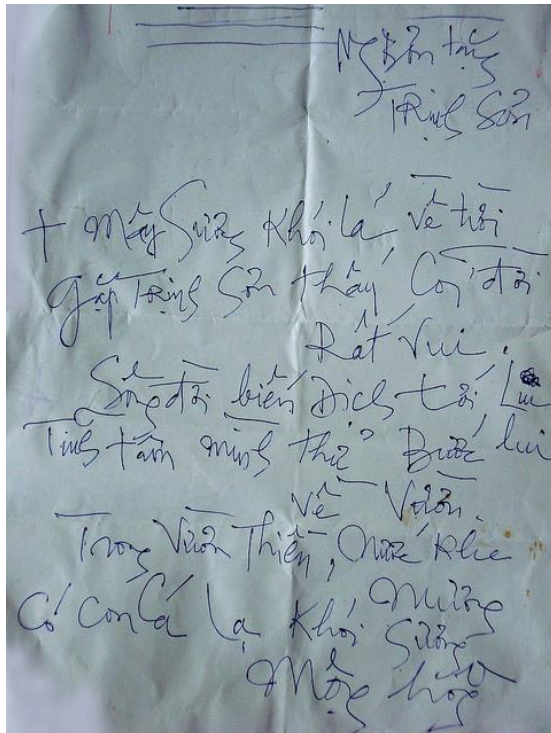
Nhưng nhà thơ “lao đao” vì bị lắc lư trong trục thẳng nhiều hơn vì lo toan về chiến cuộc, vẫn thả hồn phiêu lãng:

*Đêm ngủ đổ ngâm thơ cùng đại bác  
Hồn lao đao trong chuyến trục thẳng bay  
Đâu có chắc mặt trời mai sẽ mọc  
Trời rây mưa lành lạnh khiến thềm say*

Anh ngờ vực viễn tượng hòa bình, trước sau gì cũng phải đến với hòa hội Paris đang hứa hẹn:

*Chiến tranh quá dài nên người quá khác  
Không thể mừng vui khi tiếp rước hòa bình  
Đêm đen quá dài nên người quá khác  
Không thể nào tin sẽ có bình minh*

Hai ông Sơn Trịnh và Sơn Nguyễn, cùng thế hệ, cùng tâm trạng nên có nhiều ý tưởng hao hao. Trịnh Công Sơn, 1968, cũng có hát: *đêm nay hòa bình sao mắt mẹ chưa vui?* Do đó, Nguyễn Bắc Sơn giữa chiến trận ngâm thơ cùng đại bác, đồng thời cũng lắng nghe:



*Chàng trong lòng men nhạc Trịnh Công Sơn  
Đêm không ngủ trong những ngày bão táp  
Ôi những ngày máu ứa xác quê hương...  
Tôi hỏi tôi xin đừng chết nhé  
Bóng hòa bình thấp thoáng ở miền Nam*

(tr. 45)

Thơ trích từ bài “Nhắc đến Ma Lâm”, một thị trấn gần Phan Thiết, địa danh nghe ma quái như con sông Ma Hỷ gần đó:

*Buổi chiều uống nước đồng Ma Hỷ  
Thằng Xuân bắn chết thằng Mang Khinh*

Câu thơ nghe rờn rợn: Thằng Xuân, thằng Mang Khinh là ai? đồng đội hay đối phương? quan hệ thế nào với tác giả? Chữ “*thằng*” nghĩa là gì? bắn chết trong hoàn cảnh nào? Ở đây, sao cái chết dễ dàng quá, như trong một bài hát “*chết chẳng hèn hò, chết thật tình cò, nằm chết như mơ*”. Câu hát Sơn Trịnh là một hình ảnh văn học, ví von đúng quy cách, người nghe nắm bắt trọn vẹn ý nghĩa mà không thắc mắc. Trái với câu thơ Sơn Nguyễn trần trụi, bắt ngờ.

Bản thân tôi có kinh nghiệm đọc thơ, cảm nhận bị kích trong câu thơ và nhận diện được câu thơ hay, mặc dù (hoặc bởi vì) không hiểu cặn kẽ ý nghĩa cụ thể của sự kiện được tường thuật. May mắn là được tác giả kể lại câu chuyện. Trong một cuộc hành quân cấp đại đội, anh đi làm thông dịch cho cố vấn Mỹ; đến một con suối thì dừng quân xuống tắm. Mang Khinh là một đồng đội gốc Chăm đứng chơi trên bờ. Xuân là trung đội trưởng, nghe thấy hay nhìn thấy động tĩnh gì đó, bèn lia một tràng đạn về phía khả nghi. Mang Khinh đứng chơi lớ ngớ bên bờ suối lãnh đủ băng đạn. Nhà thơ bơi nhờ trong lòng suối thì không việc gì, bàn luận về tử sinh:

*Hỡi ơi sống chết là mưa nắng  
Gió tối mưa đêm chớ lạnh mình (tr.37)*

Bài “Thảo khấu” này, câu kết thật hay, bình thường nhưng thấm thía vì nhân đạo, nhưng cũng vì những cái chết phi lý mà Nguyễn Bắc Sơn đã kể ra từng từng:

*Chiến chinh chinh chiến bao giờ dứt  
Sắt đá ở sao lại nhớ nhà (tr. 37)*

Nhạc Trịnh Công Sơn được người đời đặt tên là phản chiến. Nguyễn Bắc Sơn thẳng thừng tự xưng mình như vậy:

*Trong thành phố này ta là người phản chiến  
Ngày qua ngày ta chỉ thích đi câu (tr. 32)*

Bài thơ mang một tiêu đề tiêu biểu: “Cười lên đi tiếng khóc bi hùng”.

Lý do phản chiến thì nhiều: có khi vì lý tưởng hòa bình cao đẹp, có khi vì quan điểm chính trị, có khi vì sợ chết, sợ khổ. Nơi Nguyễn Bắc Sơn có thể còn lý do riêng: thân phụ anh đi kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc. Có thể ông lại vào Nam chiến đấu, và khách quan, có khả năng là đối tượng trước mũi súng Nguyễn Bắc Sơn, và anh khó bề dễ dàng, an nhiên “nhắm thẳng đầu thù mà bắn” như một khẩu hiệu có từ 1964.

Trong thực tế, ông cụ đã vào Nam chiến đấu “phía bên kia”, cùng trong một địa bàn với con, ở cương vị phó chủ nhiệm cục chính trị quân khu 6. Trung ương Tỉnh báo Việt Nam Cộng hòa có lẽ cũng biết được nên đã đưa Nguyễn Bắc Sơn ra đơn vị chiến đấu. Sau ngày kết thúc chiến tranh, người cha đã trở về đoàn tụ với gia đình, trên cấp bậc đại tá quân đội nhân dân. Ông có bao che cho con cái và bạn bè của con, trong cùng cảnh ngộ, như Lê Mai Lĩnh bị tù cải tạo đến cuối 1983, gần đây còn chân thành kể lại <sup>[4]</sup>.

Ông cụ qua đời trong một tai nạn xe hơi đã gây nhiều nghi vấn.

Nguyễn Bắc Sơn có làm bài thơ nhớ bố:

*Bố tôi qua đời đúng năm năm  
Tôi viết thơ này  
Để tâm sự cùng người khuất núi  
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng  
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân  
Cùng bạn bè đi làm cách mạng  
Ông càng làm cách mạng chừng nào*

*Thì loài người càng thêm sặc máu*

*Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp  
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người  
Tôi càng ca tụng chừng nào  
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy.*

*Bố ơi bố đã ra về  
Con ở lại làm thơ và chữa bệnh  
Chúng ta đến nơi này để phát huy một tấm lòng son  
Thành hay bại chỉ là chuyện vặt.*

Cái chết của Mang Kinh và hoàn cảnh bố con Nguyễn Bắc Sơn nhắc lại một câu chuyện Võ Phiến kể, cũng trong năm 1972, trong đó anh tóm tắt số phận người dân Việt Nam trong ba mươi năm chiến tranh, qua cái chết của hai anh em nhà kia, trong một câu súc tích, ngắn gọn đến tàn nhẫn “*kẻ chết do cối, người chết do câu*”<sup>[5]</sup>. Câu chuyện như sau: có hai anh em nhà kia, người anh đi dân vệ ở trong đồn, chết vì đạn súng cối bên ngoài nã vào, gọi là “mọt thụt”; đứa em nhỏ lui cui trong vườn trúng đạn trọng pháo trong đồn “câu” ra. Rồi Võ Phiến thắc mắc: *kẻ chết do cối người chết do câu, đồ ai biết được giữa địch ấy và ta ấy, có cái gì khác nhau trong “tư tưởng”. Nhưng không phải vì lẽ không tìm được sự khác nhau mà bà con trong làng không giết nhau* (bài đã dẫn).

Võ Phiến là nhà văn chững chạc, lập trường kiên định, không giống Nguyễn Bắc Sơn, kẻ làm thơ đôi khi biến thành du dương; nhưng cái nhìn về cuộc chiến, trên cơ bản, không khác nhà thơ. Vì vậy, từ 1970, Võ Phiến đã có bài giới thiệu thơ Nguyễn Bắc Sơn trên báo Bách khoa, số Xuân Canh Tuất, 1970, in lại trong *Chúng ta qua cách viết*, 1972. Năm 1994, ở Mỹ, anh còn viết bài ca ngợi thơ mới làm sau này của Nguyễn Bắc Sơn mà dường như anh không quen biết<sup>[6]</sup>.

Chiến tranh, sau này ta mới biết, để lại những vết thương nan y, trên cơ thể và trong tâm hồn. Không cứ gì ở Việt Nam mà còn hoành hành nhiều nơi khác trên thế giới. Nguyễn Bắc Sơn đã tiên cảm được điều này:

*Ta mắc bệnh ung thư thời chiến  
Thoi thóp còn một trái tim khô  
Sợ hãi con người hơn thú dữ  
Nhìn nơi nào cũng thấy hư vô*

*Mai kia trong những ngày ngưng chiến  
Ta chắc rằng không thể yêu ai  
Nhà thương điên nếu còn chỗ trống  
Xin chiếc giường cho xác tàn phai* (tr. 52)

Nhưng rồi chiến tranh kết thúc, nhà thơ vẫn sống bình thường, bên cạnh vợ con, trong ngôi nhà xưa, thành phố cũ là Phan Thiết:

*Ta may mắn tay chân lành lặn  
Nhưng tâm hồn trống rỗng bơ vơ  
Mỗi ngày chữa bệnh bằng ly rượu  
Tối nằm đánh vật với cơn mơ* (tr. 51)

Thỉnh thoảng trong đêm mù thác loạn, Nguyễn Bắc Sơn có những cơn khủng hoảng, nghe đâu có nhảy lầu tự tử hụt đôi ba phen. Nhưng thơ anh, như bài “Tâm hồn trẻ thơ” kể chuyện đi hót tóc, làm khoảng 1990, vẫn còn hào khí sung mãn, đoạn cuối thanh thản:

*Dường như đưa trẻ nghìn năm trước  
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta  
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn  
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.*

Một đứa trẻ con, một Lão ngoan đồng nào đó, hay sao Thiên đồng đã cứu mạng Nguyễn Bắc Sơn, và giải thoát nhiều người trong mỗi chúng ta.

*Thơ có tuổi và chiêm bao có tích*, Hàn Mạc Tử nói thế, chắc cũng là cao hứng, nhưng câu thơ gọi lên một chân lý thâm hậu. Thơ Nguyễn Bắc Sơn cũng như bất cứ dòng thi ca nào đều có cội nguồn, đều đón nhận những mạch nước gần xa. Nguyễn Bắc Sơn suốt đời quanh quẩn trong quê nhà Bình Thuận, hành quân, đánh chác loanh quanh những sông Lũy, Ma Lâm. Về mặt địa dư nguồn thơ hào sảng, ngang tàng, gần anh nhất là bài thơ “Tống biệt” do Phan Khôi trích dẫn của một thi nhân Bình Thuận:

*Trái mù u trên núi  
Chạy xuống cửa Phan Rang  
Ông đi về ngoài ngõ  
Trong lòng tôi chẳng an.  
Bao giờ ông trở vô  
Gặp tôi ở giữa đàng  
Nắm tay nói chuyện chơi  
Uống rượu cười nghênh ngang <sup>[7]</sup>*

Phan Khôi không tiết lộ tên tác giả, đời sau cứ xem như là thơ Phan Khôi, vì giọng thơ ngang tàng giống ông. Bài thơ tân kỳ, hào hứng; từ vựng hồn nhiên, mới mẻ, nhịp thơ phóng túng, nhanh nhẹn, khí thơ đi liền một mạch; thơ làm vào những năm 1930 mà ngày nay ta vẫn thấy mới lạ. Và cái hào khí ở đây không khỏi nhắc ta nhà thơ Bình Thuận Nguyễn Bắc Sơn.

Lần lên xa hơn nữa, theo lịch sử thì thơ cổ Trung Quốc đã có truyền thống trầm hùng, nhiều trước tác về chiến tranh như bài Văn điếu “Chiến trường cũ” của Lý Hoa, đầu đời Đường, nhưng được truyền tụng nhiều nhất là thi phẩm của phái Biên tái như Sầm Tham, Cao Thích. Gần Nguyễn Bắc Sơn nhất là bài “Lương châu từ” của Vương Hàn:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi  
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi  
Túy ngựa sa trường quân mạc tiểu  
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*

Phỏng dịch:

*Rượu hồng đêm ngọc chén lưu ly  
Men bốc tỳ bà ngựa dục đi,  
Dặm cát say khoèo ai chớ riều  
Những bao chinh chiến những ai về.*

Thơ chinh chiến của cổ nhân là thơ quan quyền; ra quân phải có nhạc tỳ bà trên lưng ngựa; rượu thì phải Bồ Đào. Thơ Nguyễn Bắc Sơn là thơ lính, ra quân không đua đòi Mỹ tửu nhưng phải có “đế Nùng” đặc sản do người Nùng địa phương Sông Mao sản xuất từ các trại gia binh.

*Mùa này gió núi mưa bùng  
Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan  
Mùa này gió bụi mưa ngàn  
Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà*  
 (“Một tiếng đồng hồ trước khi lên đường hành quân”)



Ý thơ bình dị, lời dân dã, nhưng vẫn một giọng ngông nghênh, phóng thể và khắc họa một hình ảnh trong tâm lý thời chiến. Trong dòng thơ Việt Nam, tác giả gần Nguyễn Bắc Sơn nhất có lẽ là Tú Xương, với lối thơ *ông tốp rượu vào ông nói ngông*. Tú Xương dùng thể tự sự, tự riếu mình để mô tả thời thế. Lời thơ chua cay, khinh mạn:

Hán tự chẳng biết Hán  
Tây tự chẳng biết Tây  
Quốc ngữ cũng dốt đặc  
Thôi thì về đi cày

Trồng khoai rồi trồng đậu  
Cây chiêm lại cấy mùa  
Ăn không hết thì bán  
Bán đã có Tây mua.

Được tiền thì mua rượu  
Rượu say rồi cưới trâu  
Cưới trâu thế mà vững  
Có ngã cũng không đau.

Từ cách xử lý cuộc đời, lối nhìn vào xã hội, đến cách sử dụng ngôn ngữ, Tú Xương báo trước một Nguyễn Bắc Sơn, "*thằng ta đây*":

*Bạn mày nằm nhà thất nghiệp dài  
Mẹ già không tính tiền cơm thuốc  
Ngày xưa vẫn nghệ ta mê làm  
Cách mệnh còn hăng say vượt bực  
Giờ tới nằm mơ chỉ thấy tiền  
Nhân nghĩa gì gì quên tuốt luốt  
Thèm tiền song quả đũa vô tài  
Nên thằng ta đây chỉ có nước  
Mỗi tuần một vé số mười đồng  
Thê thăm ôi làm sao tả được  
Hai ta cùng quản như thế này  
Nhắc làm chi nữa cho tủi nhục  
Vậy xem như mình đã chết rồi  
Chí lớn mộng to đều đã vút  
Quên trời quên đất quên luôn ta  
Dăm đồng rượu trắng cùng say khướt*  
(“Bài hát khổ nhục”, tr. 56)

Bạn ở đây là một người lính từ chiến trường về: *thất thủ chỉ còn xương với cốt / chinh chiến sao mày không chết tốt*.

Trong văn chương truyền thống, tình bạn thường là quan hệ trí thức: tri âm như Bá Nha, Tử Kỳ, tri kỷ như Montaigne, La Boetie, khoa giáp như Nguyễn Khuyến, Dương Khuê. Dù có phải *bung thúng theo dân bà*, thì Nguyễn Vỹ và Trương Tửu vẫn tự hào về nghề văn nghiệp bút. Gần Nguyễn Bắc Sơn hơn, Hoàng trúc Ly có viết *Người bên chân trời đánh giặc mướn / Ta theo cuộc đời đi viết thuê* thì hành trạng, hành trang vẫn trí thức.

Trong thơ Nguyễn Bắc Sơn, tình bạn không có quy chế xã hội, bạn bè là một lớp bụi đời, bên lề xã hội, bên lề đường chinh chiến, *như hạt bụi nằm con gió trốt*. Họ là những mảnh vỡ mà cuộc đời vun lại bên nhau:

*Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ  
Vi đám đông quây bản nước hồ đời  
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn  
Để quàng vai ấm áp cuộc rong chơi*  
(“Mai sau dù có bao giờ”, tr. 30)

Thậm chí tình yêu cũng vậy, nó nằm ngoài văn học dù truyền thống hay lãng mạn, tân thời:

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cút  
Nhưng vì sao ta lại yêu em?  
Ôi mắt em nhìn như là bầy chuột  
Ta quàng xiên nên đã sa chân*

Chuyện tình yêu bầy chuột này trích từ bài “Trên đường tới nhà Xuân Hồng”, tức là phu nhân tao khàng của nhà thơ từ xưa đến nay. Trong dòng thơ ngang tàng trước Nguyễn Bắc Sơn phải nhớ “Độc hành ca” của Trần Huyền Trân làm năm 1940:

Nhớ xưa cùng đổ bụi giày  
Vỗ đùi ha há thơ mây rượu tao  
... Đưa nhau qua bữa cơm nghèo  
Đưa sàu gào rượu đưa nheo mắt cười  
Vung tay như vạch ngang trời  
Bảo rằng đâu nữa cái thời ngất ngư

Trong trường phái khí phách giang hồ này Thâm Tâm có bài “Tống biệt hành” nhiều người biết, ông còn những bài “Tráng ca”, “Vọng nhân hành”, và nhất là “Can trường hành”, báo hiệu Nguyễn Bắc Sơn:

Phiếm du mấy chốc đời như mộng  
Ném chén cười cho đã mắt ta  
Thà với mãng phu ngoài bến nước  
Uống dấm chén rượu, quăng tay thước  
Cái sống ngang tàng quen bốc men

Vào thời điểm bài thơ này, 1944, Nguyễn Bính vốn thân thiết với Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, đã sáng tác bài “Hành phương Nam” nổi tiếng, trong cùng một nguồn thi hứng:

*Ta đi nhưng biết về đâu chứ  
Đã dấy phong yên khắp bốn trời  
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ  
Uống say mà gọi thể nhân ơi*

Nhưng trong lối thơ chếnh choáng hơi men này, đặc biệt nhất – không phải hay nhất – là bài “Gửi Trương Tửu” mà Nguyễn Vỹ sáng tác trong cơn say, *trộn lẫn văn chương với chả cá*. Chúng tôi nghĩ: đặt Nguyễn Bắc Sơn vào một dòng thi ca đã trường lưu, là một cách đánh giá nghiêm chỉnh và thông thoáng một tài thơ được khoan vùng trong một hoàn cảnh chính trị và xã hội hạn hẹp. Và cũng giúp ích cho người đọc thưởng thức văn chương bên ngoài những chấn động của lịch sử.

\*\*\*

Vào khoảng 1970, khi thơ Nguyễn Bắc Sơn xuất hiện và gây ngạc nhiên, nhiều người cho rằng có hơi hướm thơ Quang Dũng, có lẽ vì đề tài chiến tranh và lời thơ bi tráng. Nhưng xét kỹ thì không đúng: thơ Quang Dũng lãng mạn và lý tưởng, thơ Nguyễn Bắc Sơn ngược lại, phi lãng mạn và phi lý tưởng. So với các nhà thơ khác, mà chúng tôi vừa trích dẫn, thơ Nguyễn Bắc

Sơn cũng có nét khu biệt, là chất bụi đời, mà nhà thơ tự cho là “du đãng”. “Tống biệt hành” là thơ để đời; Nguyễn Bắc Sơn là thơ bụi đời. “Độc hành ca” là loại thơ “miếu đền”, Nguyễn Bắc Sơn là thơ lẻ đường, quán sá. Xã hội, hoàn cảnh Miền Nam thời đó đã tạo một nguồn cảm hứng như thế và chỗ đứng cho một thể loại bất cần đời như thế.

Và dư luận thời đó, của những nhà văn tên tuổi có thể lực văn học, lập trường chính trị vững vàng, như Võ Phiến trên Bách Khoa, Chu Tử trên báo Sống, Doãn Quốc Sĩ trên báo Văn, đã đồng loạt hoan nghênh <sup>[8]</sup>.

Vẫn một giọng thơ, một cốt cách, một phong thái. Võ Phiến, hai mươi năm sau cuộc chiến, có đủ bình tâm và khoảng cách để nhìn lại thơ văn và tâm tình một thời đại và thông hiểu thấu đáo hiện tượng Nguyễn Bắc Sơn, trước sau như nhất, “*cũng cái nông nghênh ấy*”:  
“*Ngày trước trong chiến tranh, ông kể chuyện chơi trò nổ súng cắc cù rất độc đáo; ngày nay hòa bình thiên hạ hót hơ hớt hải lẫn xả vào cuộc giành giật đồng tiền, thì ông nói chuyện hót tóc cạo râu: lại rất độc đáo.*”

*Thành thử giữa ông Nguyễn Bắc Sơn trong chiến tranh và ông Nguyễn Bắc Sơn sau chiến tranh vẫn có một chỗ nhất trí. Tuy hai mà một. Do hoàn cảnh khác nhau nên đề tài câu chuyện khác nhau; nhưng phong thái vẫn một thôi. Phong thái ấy khiến cho thời chiến ông là kẻ phản chiến, thời bình ông thành kẻ phản lao động. Thực ra thơ ông phát biểu về một thái độ sống, không phải chỉ là một thái độ đánh nhau hay một thái độ làm lụng. Sống là nhẹ, không phải chỉ riêng: đánh nhau là giỡn, là nhẹ. Đời không có nghĩa phải quấy. Một khi đời đã không có nghĩa, thì mọi hoạt động ở đời (kể cả chiến tranh) đều vô nghĩa. Hoặc giả nó có được trao cho ý nghĩa thì ông cũng không lý đến. Hót tóc cạo râu là chuyện nhỏ; bắn nhau cắc cù lờ có trúng đạn chết tươi cũng là chuyện nhỏ thôi”. (1994) <sup>[9]</sup>*

Làm sao mà Võ Phiến có thể viết sành sỏi ngon lành như thế về Nguyễn Bắc Sơn? Xin thưa: vì anh tự viết về mình đó thôi. “*Đời không có nghĩa phải quấy*” là tư tưởng của Võ Phiến, là sợi chỉ xuyên qua nhiều tác phẩm của anh. Nhưng áp dụng vào thơ Nguyễn Bắc Sơn thì đúng boong.

Nói vậy để thấy rằng tâm tình Nguyễn Bắc Sơn gửi gắm qua thơ là phổ biến, là niềm phân vân tự nhiên của nhiều người, của con người trước cuộc sống. Cơn bão lịch sử đã thổi tạt cái bình thường đến chỗ lạ thường, biến thành biệt lệ văn học: *sắt đá ở sao lại nhớ nhà...*

Tâm tình ấy được Nguyễn Bắc Sơn diễn đạt bằng một phong cách nghệ thuật tài hoa, vừa hồn nhiên vừa bi tráng. Kinh nghiệm sống chết hằng ngày được thăng hoa qua một thi pháp tươi trẻ mà già dặn.

Tác phẩm Nguyễn Bắc Sơn, bên dưới những chứng từ lịch sử, là những bài thơ hay, trong lối văn “*thốn tâm thiên cổ*”.

Tác lòng lưu vọng ngàn năm.

Orléans, ngày 11/9/2005

## **Nguyễn Bắc Sơn nông nghênh Ngang tàng Thu Tứ**

*Chiến tranh Việt Nam và tôi  
Đại lần*

*Hoa quì vàng lạnh Pleiku  
Một ngày nhân rồi  
Đi câu  
Bỏ xứ  
Mai sau dù có bao giờ  
Tha lỗi cho ta  
Bài hát khổ nhục  
Thảo khấu  
Mặt khu Lê Hồng Phong  
Tháng ngày của một người lính làm thơ*

\*\*\*

**Võ Phiến** bảo thơ Nguyễn Bắc Sơn "ngông nghênh ngang tàng".(1)  
Ngông khác ngang. Cùng là bất cần đời, nhưng ngông như "ngồng" cao lên, không đụng chạm tới xung quanh, còn ngang lại như "chang bang" ra, đụng khắp xung quanh.  
Thiết nghĩ thơ Nguyễn Bắc Sơn ngông nhiều hơn ngang. Dù sao, "thơ ấy quả hay". Sau đây là một số bài tiêu biểu, không sắp xếp theo một thứ tự cố ý nào.

### **Chiến tranh Việt Nam và tôi**

Đọc thơ, rồi đọc lại cái tên sáu chữ của bài thơ, không khỏi nảy ý ngắt bớt đi năm chữ đầu! Vì thấy cái phong cách của thơ "tôi" nó không phải do chiến tranh hay hòa bình chi cả.  
Vẫn Võ Phiến về NBS: "thơ ông phát biểu (...) một thái độ sống, không phải chỉ (...) một thái độ đánh nhau hay một thái độ làm lưng. Sống là nhẹ, không phải chỉ riêng đánh nhau là (...) nhẹ." Đòi nhẹ, chắc dễ... cát cánh. Không bay hẳn lên được như chim thì cũng không chạm hẳn đất. Nghĩa là bồng bềnh, nghĩa là ngông nghênh, như "những ý nghĩ trong veo"...

*Lòng sưởi cạn phơi một bầy đá cuội  
Rừng giập rừng gió thổi cỏ lông măng  
Đoàn quân anh đi những bóng cọp vằn  
Gân mắt đỏ lạnh như tiền sắc mặt  
Bốn chuyến di hành một ngày một ngát  
Dừng quân đây nói chuyện tiếu lâm chơi  
Hãy tựa gốc cây hãy ngắm mây trời  
Hãy tưởng tượng mình đang đi pic-nic  
Kẻ thù ta ơi các ngài du kích  
Hãy tránh xa ra đừng chơi bắn nheo  
Hãy tránh xa ra ta xin xí điều  
Lúc này đây ta không thèm đánh giặc  
Thèm uống chai bia, thèm châm điếu thuốc  
Thèm ngọt ngào giọng hát em chim xanh  
Kẻ thù ta ơi những đũa xăm mình  
Ăn muối đá và điên say chiến đấu  
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu  
Đi hành quân rượu đế vẫn mang theo  
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo  
Xem chiến cuộc như tai trời ách nước  
Ta bắn trúng người vì người bạc phước  
Vì căn phần người xui khiến đó thôi  
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi  
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí  
Lũ chúng ta sống một đời vô vị  
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau*

*Chọn trời đêm làm nơi đốt hỏa châu  
Những cột khói giả rồng thiêng uốn khúc  
Mượn bom đạn chơi trò pháo tết  
Và máu xương làm phân bón rừng hoang.*

### **Đại lãn**

Xưa nay không hiếm "những tay biếng nhác". Nhưng đã "nhác" mà lại chịu khó làm thơ xưng thánh nọ thánh kia như Nguyễn Bắc Sơn thì hiếm. Nói "chịu khó", nói "làm", e có phạm đến thánh chẳng. Con chim sâu "nhắm mắt lim dim rồi mới hót thật là riu rít", còn "ta đây" "nằm lơ mơ trên ghế dựa ngoài hiên" rồi thơ ở đâu không biết cứ rơi thong thả vào mồm (lơ mơ nhưng nhớ há mồm!)...

Vừa rồi dĩ nhiên là đùa. Sống có thể "khề khà" nhưng thơ mà khề khà thì chỉ nên thơ "lá mít". "Thánh" hẳn thi thoảng có quên "đại lãn" nên nay ta mới được thưởng thức một số bài thơ "ngọt bùi bằng khoai lang", "nhẹ nhàng như nghĩ ngợi lan man" và làm người đọc "thăng thốt như vừa nghe gió hát"...

*Lúc tuyệt nhất là lúc chờ sung rụng  
Nằm lơ mơ trên ghế dựa ngoài hiên  
Con chim sâu, mày nhắm mắt lim dim  
Rồi mới hót mới thật là riu rít  
Tôi đẹp sách vì sách là lá mít  
Không ngọt bùi bằng một củ khoai lang  
Không nhẹ nhàng như nghĩ ngợi lan man  
Không thăng thốt như vừa nghe gió hát  
Bạc thánh triết là những tay biếng nhác  
Sống khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh  
Kết bạn bè cùng cây cỏ vô minh  
Rất chán ghét những trò chơi thể sự  
Trò thể sự khiến con người mệt lử  
Khiến con người quên ý nghĩa du sinh  
Quên trăm năm trong cảnh giới hữu tình  
Là tặng vật đất trời kia gửi biếu  
Và vĩ nhân là những tay lão lêu  
Như ta đây chờ sung rụng ngoài hiên.*

### **Hoa qui vàng lạnh Pleiku**

Vũ Hữu Định có lần làm "anh khách lạ đi lên đi xuống" phổ núi Pleiku. "Anh khách" gặp may: "May mà có em đời còn dễ thương"!(2)

Nguyễn Bắc Sơn cũng có bạn "đi một mình lên xuống (chính cái) phổ mù sương (áy)". Nhưng Nguyễn không gặp may: "Tôi vận rủi làm một người lãng đãng, ngó mông hoài khuất bóng của người em". "Người yếu điệu" nào đó của Nguyễn không hiểu sao đã bị phổ núi "đuổi đi". Không cịn em, không có em, giá có bạn thì cũng đỡ, đành này: "Lên xuống dốc tìm không ra bạn hữu, không có bạn làm sao tôi uống rượu, tôi làm sao sống nổi một ngày đây"!

Để "sống nổi" nơi bỗng thành "cổ mộ", nơi "đêm nay trời đất lạnh căm căm", "tôi" "phải nhớ mất một người thiếu nữ, đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa"...

*Đứng trên núi thấy hàng đèn thị trấn  
Là thấy mình buốt lạnh mấy nghìn năm  
Vi đêm nay trời đất lạnh căm căm  
Nên chọt nhớ chút lửa hồng bếp cũ  
Nên phải nhớ mất một người thiếu nữ*

Đã nhìn mình rất ám một ngày xưa  
Dù mai sau ngày nắng tiếp ngày mưa  
Nhưng vĩnh cửu chút mơ màng thuở đó  
Vi đêm nay tôi thèm nghe sóng vỗ  
Vỗ nhịp nhàng từng tiếng động bao dung  
Vỗ cho êm chuỗi hệ lụy vô cùng  
Đời lang bạt của một người lính thú  
Sáng hôm qua tôi là người thiếp ngủ  
Đi một mình lên xuống phố mù sương  
Phố núi kia ơi, phố có con đường  
Lên xuống dốc tìm không ra bạn hữu  
Không có bạn tôi làm sao uống rượu  
Tôi làm sao sống nổi một ngày đây  
Phố núi kia ơi, kẻ lạ đông đầy  
Nhìn gã lính không khác gì gã lính  
Phố núi kia ơi, một đời phố lạnh  
Lạnh hoa vàng, núi đỏ, thác đèo cao  
Lạnh hàng cây, tửu quán, lạnh gần nhau  
Lạnh thiên cổ, lạnh vào tim máu cạn  
Tôi vận rủi làm một người lãng đãng  
Ngó mong hoài khuất bóng của người em  
Sáng hôm nay đời sống thật bình yên  
Sao phó lại đuổi đi người yêu điệu  
Vườn đá tảng bàn chân em huyền diệu  
In gót hồng lên lớp bụi đời tôi  
Là từ khi tôi hạnh phúc rong chơi  
Và quên lãng con thú mù phần nợ  
Ồi phố núi đêm nay là cổ mộ  
Một hàng đèn sáng lạnh cõi bi hoang.

### **Một ngày nhàn rỗi**

Trước 1975 thơ Nguyễn Bắc Sơn đã nông nghênh. Sau 1975 thơ NBS vẫn nông nghênh. Nông bất chấp chiến tranh, hịa bình: rõ ràng nông thật.

Ngay trong thế hệ mình, NBS cũng không phải là nhà thơ nông duy nhất. Nông ba bảy đường, "đường" nông riêng của ông đại khái như một người

"Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc

Vô tình ngang một quán cà-phê"

rồi "vô tình" vào quán ngồi với "giang hồ hảo hán" hơi lâu, rồi "lạng quạng ra bờ sông ngó nước" cũng lâu, rồi "ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc" cũng lâu nữa, để khi hết trọn "ngày nhàn rỗi" thì

"... râu tóc (vẫn) còn nguyên vẹn!"

Đàn ông tóc dài có thể "đẹp trai thêm". Thơ nông lối đàn ông tóc dài có thể "đẹp thơ thêm"!

Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc

Vô tình ngang một quán cà-phê

Giang hồ hảo hán dấm thằng bạn

Mãi mê tán dóc chẳng cho về.

Về đâu, đâu cũng là đâu đó

Đâu cũng đều hiu đất Hán Hồ

Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ

Ba nghìn thế giới cũng chưa to.

Tháng giêng ngồi quán quán thu phong  
Gió Nhạn Môn quan thổi chạnh lòng  
Chuyện cũ nghe đau hồn tứ xứ  
Thương Kiều Phong, nhớ tiếc Kiều Phong.  
Bày ra một ván cờ thiên cổ  
Thua trận nhà người cứ trả tiền  
Mẹ nó, tiền ta đi hốt tóc  
Gặp ngày xúi quẩy thua như điên.  
Tóc ơi người cứ tha hồ mọc  
Xanh tốt như mùa xuân thảo nguyên  
Từ Hải nhờ râu nên mới quạo  
Thua cờ tóc bỗng đẹp trai thêm.  
Lạng quang ra bờ sông ngó nước  
Trên trời dưới đất gặp ông câu  
Ta câu con đú, người câu đèn  
Chung một tâm hồn tất gặp nhau.  
Khi gã Yêu Ly đâm Khánh Kỳ  
Là đâm chảy máu trái tim mình  
Sông Mường Mán không dung hào kiệt  
Muôn đời bóng núi đứng chênh vênh.  
Tháng giêng có kẻ đi tìm cúc  
Nhưng cõi đời không có Cúc Hoa  
Thấy đám phù bình trên mặt nước  
Biết mình đi lộn nẻo bao la.  
Những khuôn mặt những người xuân nữ  
Phiêu bồng vĩnh cửu lẫn phù du  
Yêu rất khó vô tình cũng khó  
Khánh đa tình sợ nhất mùa thu.  
Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc  
Mời nhau một chén rượu trường sinh  
Bát cơm tân khổ mười năm ấy  
Câu chuyện năm năm khiến giật mình.  
Nằm dưới gốc cây nhìn cánh bạc  
Dường như mặt đất tiết mùi hương  
Ngủ thẳng một lèo nay mới dậy  
Dường như mình cũng mộng hoàng lương.  
Dường như đứa trẻ nghìn năm trước  
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta  
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn  
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.

### **Đi câu**

Trên thì mây bay, dưới thì nước chảy, câu sông quả nhiên dễ "phiêu bồng" hơn câu ao, câu hồ.  
"Mây bồng" không biết nó ưa thứ môi gì, nhưng hễ dính thì phải mau mau gỡ, kéo rách hết!  
Ta thích ngồi câu bên bờ sông  
Để cho tâm trí được phiêu bồng  
Cá chẳng đớp mồi càng thích thú  
Miễn là câu được đám mây bồng

### **Bỏ xứ**

"Người thanh niên khí phách"... Chắc là cái người "buổi sáng mang tiền đi hớt tóc" rồi chiều về "râu tóc (vẫn) cịn nguyên vẹn".(3)  
 Xưng mình khí phách, chẳng ngông mà dám xưng sao.  
 "Những *ngông* sĩ đứng bên bờ nhật nguyệt  
 Vỗ tay cười khinh lớp sóng lô nhô."  
 Cười khinh sóng lô nhô, xong "lạc đàn dăm bảy đũa" bèn rủ nhau "đi tìm cây cần trúc nhỏ" mà "ra hồ ngồi, câu đá câu mây"! Ôi Đà Lạt!  
*Mười năm nhĩ, mười năm khuấy nhục  
 Ngồi khoa ly trong quán cô hồn  
 Cô độc quá người thanh niên khí phách  
 Trời đất bao la mà không chỗ dung thân.  
 Kỳ lạ nhĩ, giờ đây ta bỏ xứ  
 Theo trái phong du níu gió lên trời  
 Xin bái biệt cổ thành với nhà ga hoang không thiết lộ  
 Khói của chồi rom, bãi cát trắng soi.  
 Xin bái biệt những người tin rằng thi sĩ chết  
 Và hi hô tát cạn dòng sông  
 Khi giã tù, ta tặng cho các người cái búa  
 Để đón đời thánh hạnh của cây thông.  
 Ở Đà Lạt, ngoài khung cửa kính  
 Giàn su xanh thở ấm má em hồng  
 Và tôi, kẻ mười năm không áo lạnh  
 Biết đời mình đủ ấm hay không?  
 Ở Đà Lạt ta tha hồ cuốc đất  
 Và tha hồ ẩn hiện giữa ngàn cây  
 Sẽ đi tìm cây cần trúc nhỏ  
 Ra hồ ngồi, câu đá câu mây.  
 Ở Đà Lạt, lạc đàn dăm bảy đũa  
 Còn lưng ra mà cồng ba-lô  
 Những hào sĩ đứng bên bờ nhật nguyệt  
 Vỗ tay cười khinh lớp sóng lô nhô.*

### **Mai sau dù có bao giờ**

Ai chưa quen "ta" có thể thắc mắc: "tên" nào mà ngông nghênh vậy?  
 Ai biết rồi chắc chỉ cười xòa: quả nhiên "ta" với "bè bạn (ta) choàng vai ấm áp (...) rong chơi" thì "nước hồ đời" cứ tha hồ sạch, vì "những hào sĩ (chỉ) đứng bên bờ nhật nguyệt" "câu đá câu mây" chứ đâu có lội xuống "quấy bẩn"...(4)  
 "Mai sau dù có bao giờ,  
 Rót vò men ấy tơ mơ chén này"!(5)  
*Đêm Phù Cát ngoài trời mưa rất lạnh  
 Nhưng trong ngôi nhà của thiếu úy Hồ Bang  
 Có tình bạn nồng nàn  
 như rượu chôn mười năm dưới đất  
 Có câu chuyện tình thi vị mang mang  
 Đôi lúc nghĩ trời sinh một mình ta là đủ  
 Vì đám đông quấy bẩn nước hồ đời  
 Nhưng nghĩ lại trời sinh thêm bè bạn  
 Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi.*



## **Tha lỗi cho ta**

"Đời mình như rượu còn ly cạn  
Hắt toẹt đời đi chẳng nhúu mày".

"Bây giờ ta đã thành ti tiểu", mà ta thơ cò đại thế sao. Nghe cái hơi miệng (khẩu khí), thấy người vẫn "ngắt ngưỡng", "đu bay" y như "ngày trước", dù có đu "trong chiếc chuồng vương chạt"...

*Tiếc mày không gặp ta ngày trước  
Ta cho mày say quắc cần câu  
Rượu bia bốn chục chai đồ bỏ  
Uống từ chạng vạng suốt đêm thâu  
Thành phố giới nghiêm ta ngắt ngưỡng  
Một mình huýt sáo một mình nghe  
Theo sau còn có vừng trăng lạnh  
Cao hứng cười buông tiếng chửi thề  
Thời đó là thời ta chấp hết  
Lưng lơ hoai trên chiếc đu bay  
Đời mình như rượu còn ly cạn  
Hắt toẹt đời đi chẳng nhúu mày  
Thời đó là thời ta bất sá  
Sẵn sàng chia khổ với anh em  
Hơi cay đạn khói dùi ma-trắc  
Bước cũng không lui trước bạo quyền  
Bây giờ ta đã thành ti tiểu  
Uốn vào khuôn khổ cuộc đời kia  
Loanh quanh trong chiếc chuồng vương chạt  
Sống đủ trăm năm kiếp ngựa què.*

## **Bài hát khổ nhục**

Bạn bè hơi lâu mới gặp.

"Người mày một tị xem làm sao  
Thân thể mày bay mùi binh đao..."

Bạn cũng "người mày một tị", thấy bay mùi... thất nghiệp.

"Người đời để đâu theo ý mình  
Như hạt bụi nhằm cơn gió trốt".

Mùi nọ mùi kia, chẳng qua mùi ngẫu nhiên.

"Vây xem như mình đã chết rồi".

Chết rồi mà còn làm được thơ hay, cũng chưa đến nỗi "thê thảm" lắm.

*Mày về thăm ta như chuột lột  
Thất thể chỉ còn xương với cốt  
Tráng sĩ kia hề qui cố hương  
Thê thảm còn hơn thằng cốt đột  
Tráng sĩ kia hề qui cố hương  
Chinh chiến sao mày không chết tốt  
Dăm đồng rượu trắng vội bày ra  
Nhậu để khói sầu lên ngút ngút  
Đó là phương thuốc trị bụi ngùi  
Đốt lòng uất hận cao ngùn ngụt  
Người mày một tị xem làm sao  
Thân thể mày bay mùi binh đao*

Ngày trước mây hiền như đất cục  
Giờ mở miệng ra là chửi tục  
Hà hà ra thế con nhà binh  
Ngôn ngữ thom tho như mùi đất  
Ngày trước mây định đi tu tiên  
Giờ lính tu bi-đông ừng ực  
Người đời dễ đầu theo ý mình  
Như hạt bụi nhằm cơn gió trốt  
Bạn mây nằm nhà thất nghiệp dài  
Mẹ già không tính tiền cơm nước  
Ngày xưa văn nghệ ta mê làm  
Cách mệnh còn hăng say vượt bực  
Giờ tối nằm mơ chỉ thấy tiền  
Nhân nghĩa gì gì quên tuốt luốt  
Thèm tiền song quá đũa vô tài  
Nên thằng ta đây chỉ có nước  
Mỗi tuần một vé số mười đồng  
Thê thâm ôi làm sao tả được  
Hai ta cùng quần như thế này  
Nhắc nữa làm chi cho tủi nhục  
Vây xem như mình đã chết rồi  
Chí lớn mộng to đều đã vút  
Quên trời quên đất quên luôn ta  
Dầm đồng rượu trắng cùng say khướt.

### **Thảo khấu**

"Tráng sĩ" mà thấy "nước đổ cầu đen chột nhớ nhà". "Sắt đá" mà "ồ sao lại nhớ nhà". Lính của vua mà "giận ghét" vua. Ờ, nhưng nhớ nhà thì sao, giận ghét chiến chinh thì sao. Sao "lịch sử diên cuồng" không ngoại lệ cho "ta" được tiếp tục ở nhà múa bút. Ngoại lệ khó gì, nhưng vừa đúng "thành cầu gỗ súng nhạc leng keng" vừa múa bút, có khi dễ múa ra thơ hay hơn đó ta ơi.

Buổi sáng xuất quân về hướng bắc  
Âm thầm sương sớm toán quân ma  
Qua cầu sông Lũy nhìn quanh quát  
Nước đổ cầu đen chột nhớ nhà  
Nước reo bèo giạt mặt trời lên  
Khói núi lời ca chú để mèn  
Cỏ gió cao che đầu tráng sĩ  
Thành cầu gỗ súng nhạc leng keng  
Vi sao ta đến đây hị hét  
Học trò bẻ bút tập mang gương  
Tập uống máu người thay nước uống  
Múa may theo lịch sử diên cuồng  
Vi sao người đến đây làm giặc  
Đóng trò tráng sĩ loạn Xuân Thu  
Giận đời ghê những bàn tay bẩn  
Đưa đẩy người trong cát bụi mù  
Buổi chiều uống nước dòng Ma Hý  
Thằng Xuân bắn chết thằng Mang Khinh  
Hỡi ơi sống chết là mưa nắng  
Gió tối mưa đêm chớ lạnh mình

*Đốt lửa đồi cao không thấy ấm  
Lính Chàm giận ghét Chế Bồng Nga  
Chiến chinh chinh chiến bao giờ dứt  
Sắt đá ở sao lại nhớ nhà.*

### **Mật khu Lê Hồng Phong**

Đọc tên bài, đọc mấy câu đầu, rồi đọc hết bài thơ sau đây, chắc nhiều người chưng hửng. Có trận chiến ác liệt nào đâu, có chiến sĩ anh hùng nào đâu. Chỉ có một người

"Đêm nằm ngủ vống trên đồi cát

Nghe súng rừng xa nổ cắc cù

Chợt thấy trong lòng mình bát ngát

Nỗi buồn sương khói của mùa thu!"

Người ấy sau đó không hóa thành một "nấm xương tàn" trong vô số nấm xương tàn trong

"rừng động Thái An", mà còn sống để viết nên thứ thơ "cắc cù bát ngát". May cho "ta" và may cho thơ.

*Tướng giỏi cầm quân trăm trận thắng*

*Còn ngại hành quân động Thái An*

*Cát lún bãi mìn rừng lười nhện*

*Mùa khô thiếu nước lính hoang mang*

*Đêm nằm ngủ vống trên đồi cát*

*Nghe súng rừng xa nổ cắc cù*

*Chợt thấy trong lòng mình bát ngát*

*Nỗi buồn sương khói của mùa thu*

*Mai ta đụng trận ta cịn sống*

*Về ghé Sông Mao phá phách chơi*

*Chia sót nổi sâu cùng gái điếm*

*Đốt tiền mua vợ một ngày vui*

*Ngày vui đời lính vô cùng ngắn*

*Mặt trời thoát đã ở phương tây*

*Nếu ta lỡ chết vì say rượu*

*Linh hồn ta chắc sẽ thành mây bay*

*Linh hồn ta sẽ thành đom đóm*

*Vợ vẫn trong rừng động Thái An*

*Miền bắc sương mù giăng bốn quận*

*Che mưa giùm những nấm xương tàn.*

### **Tháng ngày của một người lính làm thơ**

"Chợt nhớ mình là tên tiểu tốt vô danh

Đang thất thủ trong vòm trời khói đạn".

Nhớ thế là tình hần rồi.

Nguyễn Bắc Sơn dĩ nhiên không phải "người lính làm thơ" duy nhất trong chiến tranh Việt Nam.

Ông khác những người lính làm thơ kia, vì vốn dĩ trước khi làm lính ông cũng đã khác!

Hoàn cảnh xấu cho người là hoàn cảnh tốt cho thơ. Chẳng ai không có tâm sự gì đáng kể mà làm được thơ hay. Nếu không có "Chiến tranh Việt Nam", e "tôi" hay "ta đây" chỉ suốt ngày nằm "chờ sung rụng ngoài hiên" chứ không viết nên bài thơ để đời nào cả!(6)

*Nơi ngã ba đường này ta đã đứng chờ xe cùng*

*các tay tứ chiếng*

*Chiến tranh đã xua đuổi người ra khỏi quê nhà*

Còn ta, ta tuy ở quê nhà nhưng thật ra là một  
 người lạ mặt  
 Có đêm ta thắp lên ngọn đèn dầu leo lét  
 Đọc cuộc đời những hào kiệt khi xưa  
 Thấy mình giống người anh hùng lỗ vận.  
 Có đêm ta thức dậy, thị chân xuống chiếc  
 giường bố nhà binh đụng nhằm  
 bàn cờ tướng  
 Chợt nhớ mình là tên tiểu tốt vô danh  
 Đang thất thủ trong vòm trời khói đạn  
 Có đêm ta thức dậy nửa khuya trên ngọn đồi  
 gió cát  
 Không biết mình đang nằm ở đâu đây  
 Có phải chăng ta đã nghe những tiếng còi tàu  
 Đang chìm khuất cùng gió qua đồng trống  
 Ôi tiếng còi, ôi tiếng còi vắng vắng kia  
 Có sao mi làm ta vô cùng tưởng nhớ  
 Mái nhà xưa  
 Bụi dãi hoa và ruộng nước kê bên thiết lộ  
 Nơi đó ta để quên một thiên phụng,  
 một ống sáo đen, một chồng sách  
 thánh hiền và một tâm hồn  
 đa cảm  
 Có đêm ta nằm nói chuyện một mình  
 Bầu bạn cùng con thần lằn chắc lưỡi  
 Và nhiều khi giật mình  
 Vì thấy mình cũng vô tình chắc lưỡi theo  
 Ở quê nhà ta tìm đâu ra những bằng hữu tốt  
 Nên thấy mình là kẻ lưu dân  
 Nên làm lủi dưới trời đứng bóng  
 Những kẻ ngày xưa chơi đùa với ta chung  
 một mái trường  
 Giờ đây rất thích làm quan lớn.  
 Ở quê nhà không có dấu hiệu nào cho thấy  
 trên trời còn có Chúa  
 Bây giờ là thời của ruồi bọ kên kên  
 Thời của thương gia, của kẻ giết người và  
 quân cướp cạn  
 Còn ai dám hồn nhiên nhận mình là thi sĩ đâu?

- (1) Trong Văn học Miền Nam.
- (2) Xem bài Còn Một Chút Gì Để Nhớ của Vũ Hữu Định.
- (3) Xem bài Một Ngày Nhàn Rỗi.
- (4) Xem bài Bỏ Xứ.
- (5) Truyện Kiều: "Mai sau dù có bao giờ / Đốt lò hương ấy so tơ phím này".
- (6) Câu chốt của bài Đại Lãn: "Như ta đây chờ sung rụng ngoài hiên".

\*\*\*

**Phụ đính :**

Người này đọc, người kia đọc, chuyền tay nhau để mọi người cùng đọc, đến Chu Tử, một anh chàng nhà văn coi trời bằng vung, cũng vung tay, đưa thơ Sơn lên trang nhất, bên trái, nơi trang trọng nhất dành in quan điểm của tờ báo, mang tên "Sống" của mình. Rồi Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyên Sa... những đại thụ thơ văn ngày đó, cũng đồng loạt vỗ tay reo Sơn. Thì thôi chứ, cái hạt cát ngậm ngùi như ta, làm sao thốt nổi nên lời!

Tập thơ theo thời gian đã biến thành của lạ xưa nay hiếm. Nhiều người muốn được in lại, nhưng làm sao in? Thời thế đã thay đổi. Phải sửa một đôi chữ, phải bỏ một đôi câu, nhiều bài phải cắt tron đi một cách đáng tiếc. Nhưng được cái là thêm vào được một số bài thơ mới, rất Sơn. (Đã gửi kèm một ít cho Thư Quán Bản Thảo).

Tập thơ xuất hiện dưới một tên mới, là tựa của một bài thơ cũ:  
"Ở Đồi Như Một Nhà Thơ Đông Phương" (1995 Sài Gòn).

*Người làm cái công việc đáng yêu này, tên Nguyễn Thanh Trinh, nhà văn, nhà biên kịch trẻ đầy triển vọng trước 1975.*

\*\*\*

### **Bài thơ tình viết khi nổi sùng**

Thời mạt thế người ta yêu nhau bằng cái búa  
Và tặng nhau hàng chục nhát dao găm  
Anh, kẻ chập chờn giữa càn khôn lão đảo  
Tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm

Thôi, thời đại chúng ta, thời của những thằng lăn dưa đá cá  
Tâm hồn em ô nhiễm cũng là thường  
Trời đất đã cho anh nụ cười bất sá  
Sá gì cái chuyện tơ vương

### **Kẻ chịu chơi**

Ta đưa trẻ chơi đùa cùng nhật nguyệt  
Nằm lim dim bên bãi cỏ bờ sông  
Thấy thương yêu một thế giới đại đồng  
Con cá nhỏ đớp vầng trăng ẩn hiện

### **Hoàng hậu**

Các bà hoàng hậu nghìn xưa  
Rủ nhau ra chợ bán mua phiếu bông  
Khổ đau non nước chập chồng  
Các bà hoàng hậu phật phùng bán mua

### **Diệu âm**

Mắt người như cánh hoa sen xanh  
Mắt của rừng nai mắt của tình

Một sáng ta về ngậy ngát nhớ  
Âm thầm thu phát những âm thanh

### **Gặp mùa gió, lòng mình cũng gió** (Chép tặng Lê Văn Chính)

Rồi một hôm gió bắc có ai ngờ  
Ai lãng đãng ngờ chi con gió bắc  
Cây bạch đàn trước cửa nhà em đang còn hay đã mất  
Sao anh hình dung như có vết thương  
Đang loang ra trong vũng máu vô thường  
Truyền tín hiệu đến ngậm ngùi vô tận  
Anh có nghe chuyện đời em lặn độn  
Những chuyên đi buồn, những chuyến xe đò  
Tiếng nói sau lưng lời chua chát nhỏ to  
Giọng lẹ em khô nhưng vẫn là giọng lẹ mặn  
Đã qua chưa ôi cái đời đặng đặng  
Đứng bên kia sông cũng ngó thấy điêu tàn  
Băng giá chuyển mình băng giá mau tan  
Tiếc câu thơ anh không thể làm cho đời em ấm cúng  
Tiếc loài người bày ra xích xiềng huyễn vọng  
Đến nỗi quên mình là hạt giống vô biên  
Câu chuyện tình như ngọn gió miền miền  
Thổi ấm Kinh Thi thổi lạnh hồn Kinh Dịch.

### **Sông Cửu Long chín khúc**

Chúng ta đều là khách luân lạc bên trời cả  
Thương bạn còng lưng vác rựa , lên chém tre , đẵn gỗ trên ngàn  
Xin đừng chém trúng vàng trắng lạnh  
Núi cũ đau lòng đám Thạch Sanh  
Tình yêu và hận thù đều nằm trong cơn túy mộng  
Những đống xương khô đêm đêm vẫn cựa mình  
Bầu trời kia , chẳng qua là thửa ruộng lớn  
Các vị thánh hiền vẫn cày mây , gieo trồng thêm trăng sao  
Uống chén rượu huyết rồng , say nằm dưới cây hoàng cúc  
Gối lên đùi Lão Tử , nhỏ bé thay dãy Trường Sơn  
Nhớ bạn phong phiêu ngoài biển rộng  
Bôn ba bức bách lại bàng hoàng  
Dưới trần gian có sao nằng Hơ Bia vắng mặt  
Để năm canh núi rúc tù và  
Cái nhớ cái thương cái tình cái tiếc  
Không cái nào như cái đôi ta  
Năm năm đi hái thuốc trên đất Chiêm Thành  
Cái gửi của ta không chứa nhân sâm mà chỉ đựng chân không  
Chén ngọt chén bùi chén cay chén đắng  
Chén thuốc nào bằng chén thuốc mênh mông.

## Chuyện hai bố con tôi

Cái ngu đàn của kẻ thông minh  
Là cái đó chính là cái đó  
Bố qua đời đúng năm năm  
Tôi viết bài thơ này  
Để tâm sự cùng một người khuất núi  
Thuở sinh tiền  
Ông rất thương tôi  
Và tôi rất thương ông  
Nhưng hai chúng tôi  
Đúng là hai người đàn ông có bề ngoài lãnh đạm  
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng  
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân  
Cùng bạn bè đi làm cách mạng  
Ông làm cách mạng chừng nào  
Thì loài người càng thêm sặc máu  
Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp  
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người  
Tôi càng ca tụng chừng nào  
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy  
Bi kịch của bố con tôi  
Là bi kịch của hai thằng tây đen  
Cùng đi kiếm con mèo đen  
Trong đêm đen mù mịt  
Các vị thánh hiền thời xưa  
Bảo thế giới loài người  
Giống như chiếc đuôi cong  
Của loài chó  
Chúng ta là những đứa trẻ con  
Chổng khu vuốt chiếc đuôi này cho thẳng  
Vuốt cho thẳng rồi  
Thả tay ra là nó cong trở lại  
Nếu mỗi chúng ta có làm điều gì tốt đẹp  
Chẳng qua là để phát huy một tấm lòng son  
Còn trái đất cứ ngày đêm sáng tối  
Thịnh đã rồi suy  
Suy rồi lại thịnh  
Bố ơi bố đã ra về  
Con ở lại làm thơ và chữa bệnh  
Chúng ta đến nơi này để phát huy một tấm lòng son  
Thành hay bại chỉ là chuyện vặt.  
(Thơ Nguyễn Bắc Sơn - 2002).

(Nguyễn Bắc Sơn từ Phan Thiết  
gửi tới nhóm Thư Quán Bản Thảo)

## Một ngày nhàn rỗi

Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc  
Vô tình ngang một quán cà-phê  
Giang hồ hảo hán dẫm thằng bạn  
Mãi mê tán dóc chẳng cho về.  
Về đâu, đâu cũng là đâu đó  
Đâu cũng đều hiu đất Hán Hồ (1)  
Hớt tóc cạo râu là chuyện nhỏ  
Ba nghìn thế giới cũng chưa to.  
Tháng giêng ngồi quán quán thu phong  
Gió Nhạn Môn (2) quan thổi chạnh lòng  
Chuyện cũ nghe đau hồn tứ xứ  
Thương Kiều Phong (3) , nhớ tiếc Kiều Phong.  
Bày ra một ván cờ thiên cổ  
Thua trận nhà người cứ trả tiền  
Mẹ nó, tiền ta đi hớt tóc  
Gặp ngày xúi quẩy thua như điên.  
Tóc ới người cứ tha hồ mọc  
Xanh tốt như mùa xuân thảo nguyên  
Từ Hải nhờ râu nên mới quạo  
Thua cờ tởn bồng đẹp trai thêm.  
Lạng quạng ra bờ sông ngó nước  
Trên trời dưới đất gặp ông câu  
Ta câu con đú, người câu đèn  
Chung một tâm hồn tất gặp nhau.  
Khi gã Yêu Ly (4) đâm Khánh Kỳ  
Là đâm chảy máu trái tim mình  
Sông Mường Mán (5) không dung hào kiệt  
Muôn đời bóng núi đứng chênh vênh.  
Tháng giêng có kẻ đi tìm cúc  
Nhưng cõi đời không có Cúc Hoa  
Thấy đám phù bình trên mặt nước  
Biết mình đi lộn nẻo bao la.  
Những khuôn mặt những người xuân nữ  
Phiêu bồng vĩnh cửu lẫn phù du  
Yêu rất khó vô tình cũng khó  
Khánh đa tình sợ nhất mùa thu.  
Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc  
Mời nhau một chén rượu trường sinh  
Bát cơm tân khổ mười năm ấy  
Câu chuyện năm năm khiến giật mình  
Nằm dưới gốc cây nhìn cánh bạc  
Dường như mặt đất tiết mùi hương  
Ngủ thẳng một lều nay mới dậy  
Dường như mình cũng mộng hoàng lương.  
Dường như đứa trẻ nghìn năm trước  
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta  
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn  
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.

Chú thích



1. Trích từ lời nhạc phim Thiên Long Bát Bộ “Khước tiếu tha thể nhọn vọng yêu tương Hán Hồ lộ lai hạn” (Lại cười người đời những tưởng đem chặng đường Hán Hồ mà nản chí trai)
2. Cửa ải của vạn Lý Trường Thành tại cực bắc của Trung Quốc, giáp với Mông Cổ, thuộc huyện Đại Huyện, tỉnh Sơn Tây. Sở dĩ cửa ải mang tên này vì nơi đó có rất nhiều chim nhạn. Nhạn Môn Quan nổi tiếng qua điển tích Chiêu Quân Cống Hồ.
3. Còn gọi là Tiêu Phong, một trong ba nhân vật chính (Đoàn Dự, Kiều Phong và Hư Trúc) trong truyện kiếm hiệp Thiên Long Bát Bộ của nhà văn Kim Dung. Hình ảnh Kiều Phong được đánh giá là “hình tượng anh hùng đẹp nhất và cũng là hình tượng bi kịch nhất trong tất cả các truyện của Kim Dung”.
4. Yêu Ly là một thích khách người nước Ngô đời vua Hạp Lư, thời Xuân Thu. Khánh Kỵ là con của vua Ngô Vương Liêu. Hạp Lư sợ Khánh Kỵ báo thù, dùng Yêu Ly để giết Khánh Kỵ. Việc ám sát bất thành, Yêu tự cho là mình “bất nhân, bất nghĩa, bất trí” và tự sát.
5. Tên một dòng sông chảy qua địa phận tỉnh Phan Thiết, quê hương nhà thơ

### Ở đời như một nhà thơ phương Đông

Y là một nhà chiêm bái đích thực  
Có cần chi  
Đi hàng ngàn dặm đường  
Để nhìn các thánh tích

Một ngày kia y chiêm bái đồng lúa chín vàng  
Và tìm thấy lòng hảo tâm của trời đất

Một đêm kia  
Y chiêm bái ngọn bắc đèn  
Và tìm thấy sự ấm áp vô cùng của lửa

Y chiêm bái hạt muối trắng tinh  
Y chiêm bái hạt mè đen bóng

Có lần y chiêm bái một hạt mưa sa  
Trong hạt mưa có khuôn mặt trẻ con  
Cùng đôi mắt chiêm bái người nữ  
Y bỗng rùng mình biến thành vũ trụ.